

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Trung Thành

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Trung Thành.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả luận văn

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1 Những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....	6
1.2 Quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	14
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	39
2.1 Đánh giá tổng quan tình hình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015	39
2.2 Thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.....	43
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ'	60
3.1 Mục đích, yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....	60
3.2 Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tiễn xét xử	64
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	72

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
HDXX	: Hội đồng xét xử
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng thống kê số liệu xét xử các vụ án hình sự từ năm 2011-2015 của TAND thành phố Hà Nội.....	39
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2011 - 2015.....	43
Bảng 2.3: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2011 - 2015.....	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyết định hình phạt là khâu quan trọng nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quyết định một hình phạt đúng không những đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong thực thi pháp luật, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm mà còn có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

Để quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý đối với người phạm tội, bên cạnh việc căn cứ vào quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội; thì các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt, là cơ sở đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng pháp luật.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng chúng là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, chúng cũng góp phần thực hiện mục đích của hình phạt “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội”.

Trong thực tiễn công tác xét xử những năm qua cho thấy, việc xác định và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 của các Tòa án trên địa bàn thành phố Hà Nội về cơ bản là chính xác và thống nhất. Tuy nhiên, cũng còn không ít các trường hợp Tòa án áp dụng những tình tiết này chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác; cùng một tình tiết giảm nhẹ nhưng mỗi Tòa án vận dụng ở mức độ khác nhau dẫn đến việc quyết định hình phạt quá nặng, quá nhẹ hoặc cho người phạm tội được hưởng án treo không đúng quy định của BLHS. Mặt khác, ngay trong Điều 46 BLHS năm 1999 các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng chưa hoàn toàn đầy đủ, có một số trường hợp chưa cụ thể rõ ràng dẫn đến việc hiểu và vận dụng khác nhau. Ngoài ra, còn có những vướng mắc trong

việc xác định và áp dụng các tiết giảm nhẹ khác mà Tòa án có thể áp dụng và ghi trong bản án (khoản 2 Điều 46 năm 1999).

BLHS năm 2015 đã có sự sửa đổi về quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Việc nghiên cứu khoa học một cách chuyên biệt về chế định các tình tiết giảm nhẹ trên cơ sở lý luận, thực tiễn nhằm hiểu rõ và áp dụng đúng đắn các tình tiết giảm nhẹ TNHS để nâng cao chất lượng xét xử và tìm ra những vấn đề còn vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn để từ đó đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử là một yêu cầu rất quan trọng và cấp thiết.

Do vậy, tôi chọn đề tài “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội” để làm luận văn thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Qua tìm hiểu, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết đã được công bố của các nhà luật học về chủ đề này như: Luận án tiến sỹ “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam” TS.Trần Thị Quang Vinh (năm 2000); Th.s Đinh Văn Quế “Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Nxb Chính trị quốc gia); Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội 2010) do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên; Th.s Đinh Văn Quế “Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999”, Bộ Tư pháp – Viện khoa học pháp lý (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004)...

Các bài viết đăng trên Tạp chí luật học, Tạp chí Tòa án nhân dân: Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam của Bùi Kiến Quốc (Tạp chí luật học số 6/2000); Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” của Th.s Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2009); Bàn về tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 46 BLHS của Vũ Thành Long (Tạp chí Tòa án nhân dân số 22, tháng 11/2007); Một số vấn đề về phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử của Th.s Đinh Văn Quế

(Tạp chí Tòa án nhân dân số 17, tháng 9/2009); Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thể hiện sự ăn năn, hối cải của người phạm tội – những tồn tại, vướng mắc và kiến nghị của Phạm Thị Thanh Nga (Tạp chí Tòa án nhân dân số 7, tháng 4/2008)...

Mỗi công trình nghiên cứu, mỗi bài viết của các nhà luật học đã đề cập ở các phương diện và mức độ khác nhau về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Nhưng cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhất là thực tiễn áp dụng của TAND các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, tìm ra những hạn chế, thiếu sót và giải pháp khắc phục nhằm bảo đảm áp dụng đúng đắn các tình tiết này trong thực tiễn xét xử của Tòa án. Với cách tiếp cận như vậy có thể thấy rằng, đề tài này không trùng với các công trình nghiên cứu đã được công bố về chủ đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu chủ yếu của đề tài luận văn là nhằm làm phong phú thêm một số vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử của Tòa án.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích như trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Một là, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.
- Hai là, đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của Tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm phát hiện những vướng mắc, thiếu sót trong việc áp dụng các tình tiết này trong hoạt động giải quyết vụ án hình sự.
- Ba là, đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận, quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của TAND thành phố Hà Nội.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, luận văn tập trung nghiên cứu các tình tiết giảm nhẹ với tính chất là căn cứ quyết định hình phạt.

- Về không gian, thời gian, luận văn tập trung đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết này của các Tòa án trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015, đặc biệt là 150 bản án của TAND thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước.

Phương pháp nghiên cứu của luận văn là các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Về lý luận: Luận văn góp phần vào việc làm phong phú thêm những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong luật Hình sự Việt Nam.

- Về thực tiễn: Luận văn đóng góp vào việc làm sáng tỏ những vướng mắc, hạn chế, thiếu sót trong quy định pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng. Qua đó, luận văn đưa ra những giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử của Tòa án.

- Về nghiên cứu khoa học: Với kết quả nghiên cứu nêu trên, luận văn có thể là nguồn tài liệu tham khảo để các sinh viên, học viên hoặc các chuyên viên pháp lý có nhu cầu nghiên cứu.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tiễn xét xử.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1 Những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

a. Khái niệm

Bộ luật hình sự không đưa ra khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong khoa học pháp lý nước ta, quan niệm về vấn đề này cũng chưa thống nhất. Nhìn chung, đa số các ý kiến cho rằng, tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết được ghi nhận trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hay do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án, đồng thời là một trong những căn cứ để Tòa án cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt. Quan niệm trên chưa cho thấy hết được bản chất, nội dung của tình tiết giảm nhẹ TNHS mà mới chỉ nêu đặc trưng pháp lý của chúng.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết trong một vụ án cụ thể nó sẽ làm giảm TNHS của người phạm tội trong một khung hình phạt [12, tr.240]. Chúng tôi cho rằng, về bản chất, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những biểu hiện về các điều kiện, hoàn cảnh, tình huống có ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm, qua đó phản ánh mức độ nguy hiểm ít hơn của hành vi phạm tội và là cơ sở để người phạm tội có thể chịu TNHS ở mức thấp hơn.

TS Trần Thị Quang Vinh cho rằng, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết TNHS, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ TNHS của chúng chưa được ghi nhận trong chế tài [29, tr.45]. Khái

niệm này có nội dung rộng hơn so với nhận thức phổ biến hiện nay, khái niệm này là những tình tiết không chỉ có giá trị giảm nhẹ hình phạt mà còn có giá trị giảm nhẹ những tác động cưỡng chế hình sự thuộc nội dung của TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Điều 46 BLHS hiện hành là những tình tiết làm giảm đi mức độ nguy hiểm của tội phạm, của người phạm tội và có ý nghĩa làm giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt.

Dựa vào các quy định của pháp luật hình sự và qua việc nghiên cứu các quan điểm trên có thể đưa ra khái niệm: *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết của vụ án hình sự, nó không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng nó hàm chứa những nội dung làm giảm tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội, phản ánh nhân thân người phạm tội, phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo người phạm tội..., làm giảm TNHS của người phạm tội, làm cơ sở cho việc quyết định hình phạt giảm nhẹ hơn đối với một hành vi phạm tội nhất định kể cả khả năng được áp dụng loại hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt.*

b. Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Từ khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã nêu ở trên và từ phân tích các quy định của BLHS hiện hành có liên quan đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS, có thể đưa ra một số đặc điểm cơ bản của tình tiết giảm nhẹ TNHS như sau:

Thứ nhất, tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự (bao gồm 18 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 46). Trong quá trình xét xử, Tòa án có thể tự mình xem xét, cân nhắc coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS và ghi rõ lý do trong bản án. Đặc điểm này có hai vấn đề cần chú ý: Trước hết, những tình tiết giảm nhẹ TNHS nào được BLHS quy định với tính cách là yếu tố định tội hoặc là yếu tố định khung hình phạt đối với một số tội phạm được nêu tại Phần các tội phạm cụ thể thì trong quá trình xét xử, Tòa án không được xem xét nó như là tình tiết giảm nhẹ chung được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Nghĩa là một tình tiết giảm nhẹ cho dù biểu hiện dưới hình thức nào thì cũng không thể được áp dụng hai lần cho một trường hợp phạm tội cụ

thể. Tiếp đó, việc cho phép Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong từng vụ án đối với từng bị cáo cụ thể nhằm mở rộng tính linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm cho hoạt động xét xử được công bằng, chính xác, khách quan. Nó giúp Tòa án tính toán được sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với chế tài hình sự. Quy định “phải ghi rõ trong bản án” là nhằm tránh sự tùy tiện trong hoạt động xét xử. Pháp luật dù hoàn thiện đến đâu cũng không thể tiên liệu hết mọi tình huống của cuộc sống nên việc cho phép Tòa án xem xét các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trong hoạt động xét xử là hợp lý và cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề này cũng có tính hai mặt của nó. Trên thực tế, không ít trường hợp Tòa án đưa ra những tình tiết giảm nhẹ TNHS không thật sự thuyết phục.

Thứ hai, tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để Tòa án cân nhắc, xem xét việc áp dụng hình phạt theo hướng nhẹ hơn đối với người phạm tội, nó phản ánh các diễn biến bên ngoài của mặt khách quan cũng như diễn biến tâm lý bên trong của mặt chủ quan trong cấu thành tội phạm hoặc phản ánh yếu tố nhân thân người phạm tội, góp phần mô tả tội phạm, giúp chúng ta hình dung được mức độ nguy hiểm ít hơn của hành vi phạm tội nếu đặt nó trong sự so sánh với trường hợp phạm tội tương tự mà không có tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thứ ba, tình tiết giảm nhẹ TNHS ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt như thế nào là do Tòa án cân nhắc, xem xét. Sự hiện diện của các tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để Tòa án đánh giá, xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, coi đó là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Pháp luật không quy định cụ thể sự hiện diện của tình tiết giảm nhẹ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc quyết định hình phạt, sự hiện hữu của tình tiết nào thì được giảm TNHS đến đâu, điều đó phụ thuộc vào sự xem xét và cân nhắc của Tòa án.

Thứ tư, các tình tiết giảm nhẹ TNHS rất phong phú, không xác định về mặt số lượng. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể trong BLHS năm 1999, trong quá trình xét xử từng vụ án cụ thể, Tòa án còn có thể tự mình xem

xét, cân nhắc coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS và ghi rõ lý do trong bản án.

Thứ năm, ảnh hưởng của từng tình tiết giảm nhẹ TNHS đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không giống nhau. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS khá phong phú về mặt số lượng và ảnh hưởng của chúng đối với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là khác nhau. Do đó, mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc quyết định hình phạt là không giống nhau. Có tình tiết thì ảnh hưởng rất lớn đến việc quyết định hình phạt và đối với mọi trường hợp phạm tội, nhưng có tình tiết thì ảnh hưởng ít hơn. Có tình tiết chỉ có ý nghĩa đáng kể với một số tội phạm, còn đối với những tội phạm khác thì chỉ có ý nghĩa rất hạn chế. Mặt khác, Điều 47 BLHS năm 1999 quy định: *“Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật...”* [10]. Theo đó, khả năng “có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định” chỉ có thể thực hiện “khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này”.

1.1.2. Phân biệt tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với tình tiết định tội, định khung hình phạt

Để phân biệt tình tiết giảm nhẹ TNHS với tình tiết định tội, định khung hình phạt thì trước hết ta phải hiểu được thế nào là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Tình tiết định tội là những tình tiết, biểu hiện của tội phạm phù hợp với các dấu hiệu định tội (dấu hiệu CTP cơ bản) của tội cụ thể trong BLHS.

Tình tiết định tội là tình tiết thực tế của vụ án cụ thể được sử dụng để xác định người phạm tội trong vụ án đó đã phạm tội gì. Đó là những tình tiết thoả mãn dấu hiệu định tội đã được quy định trong luật. Các “tình tiết hình sự” luôn gắn với sự kiện phạm tội, phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội. Khi các tình tiết phù

hợp và thoả mãn dấu hiệu CTTP cơ bản của tội phạm cụ thể trong BLHS sẽ cho phép xác định được người phạm tội đã phạm tội gì, theo điều nào trong BLHS. Ví dụ, xem xét trường hợp người đã có hành vi dùng vũ lực đối với người khác. Dùng vũ lực đối với người khác là dùng sức mạnh vật chất tấn công người khác; mặc dù hành vi dùng vũ lực là hành vi có tính nguy hiểm đáng kể; mặc dù bản chất của sự tấn công là bất hợp pháp. Cho dù tình tiết “dùng vũ lực”, “tấn công” phù hợp với dấu hiệu “dùng vũ lực”, “tấn công” trong CTTP của tội hiếp dâm (Điều 111), tội cướp tài sản (Điều 133)... nhưng cái đó vẫn chưa nói lên điều gì. Khi xem xét, làm rõ những tình tiết khác như: Việc dùng vũ lực được thực hiện bởi người là nam giới; việc dùng vũ lực nhằm “đè bẹp”, “làm tê liệt” sự kháng cự của người là nữ giới để “giao cấu” với người đó – “giao cấu với người phụ nữ trái với ý muốn của họ”. Những tình tiết này cho thấy hành vi dùng vũ lực (nói trên) phù hợp và thoả mãn các dấu hiệu CTTP của tội hiếp dâm. Điều đó cho phép khẳng định người có hành vi nói trên đã phạm tội hiếp dâm (Điều 111). Trường hợp trên được tiếp tục xem xét và xác định nạn nhân của tội phạm là em gái 15 tuổi – nạn nhân của tội phạm là trẻ em thì hành vi phạm tội hiếp dâm trong trường hợp này phù hợp và thoả mãn các dấu hiệu CTTP của tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112).

Như vậy, ý nghĩa định tội của các tình tiết thể hiện ở chỗ các tình tiết của tội phạm phù hợp và thoả mãn dấu hiệu CTTP của tội cụ thể trong BLHS. Các tình tiết đó cho phép xác định được người phạm tội đã phạm tội gì, theo điều nào trong BLHS.

Tình tiết định khung hình phạt là những tình tiết của tội phạm phù hợp và thoả mãn dấu hiệu định khung hình phạt (CTTP giảm nhẹ hoặc tăng nặng) của những tội cụ thể trong BLHS.

Do tính đa dạng của tội phạm, bên cạnh CTTP cơ bản (của một loại tội) nhà làm luật còn quy định thêm các dấu hiệu phản ánh tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao hoặc thấp với những khung hình phạt nặng hoặc nhẹ khác nhau so với khung hình phạt của CTTP cơ bản. Những dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu (yếu tố) định khung hình phạt. Khi các tình tiết của tội phạm không những thoả mãn dấu hiệu

định tội (CTTP cơ bản) mà còn thoả mãn dấu hiệu có thêm trong CTTP giảm nhẹ hoặc tăng nặng sẽ cho phép chuyển khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội từ khung hình phạt của CTTP cơ bản sang khung hình phạt của CTTP giảm nhẹ hoặc CTTP tăng nặng. Ví dụ, các tình tiết trong hành vi phạm tội giết người của A không những thoả mãn dấu hiệu mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể, chủ thể của tội giết người (khoản 2 Điều 93) mà còn thoả mãn dấu hiệu (có thêm phản ánh tính nguy hiểm của tội phạm cao hơn) quy định tại điểm a, b... khoản 1 Điều 93. Trường hợp này sẽ cho phép chuyển khung hình phạt áp dụng đối với A từ khoản 2 sang khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999. Các tình tiết đó được gọi là tình tiết định khung hình phạt. Nói cách khác, đó chính là các tình tiết có ý nghĩa định khung hình phạt đối với tội phạm.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Ngoài ý nghĩa định tội, định khung hình phạt, các tình tiết của tội phạm còn phản ánh mức độ nguy hiểm khác nhau của các trường hợp phạm tội cụ thể (trong khung hình phạt); phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội và qua đó phản ánh mức độ TNHS của người phạm tội. Do vậy, các tình tiết này được BLHS quy định làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Như vậy, điểm chung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, những tình tiết định tội và tình tiết định khung, như đã trình bày ở trên, thể hiện ở chỗ chúng đều là một trong những yếu tố cấu thành tội phạm (cấu thành cơ bản hoặc cấu thành giảm nhẹ) và được luật quy định cứng (kỹ thuật lập pháp đóng), có nghĩa là Tòa án không có quyền bổ sung, thay đổi các tình tiết này khi xét xử. Nhà làm luật khi xây dựng những cấu thành tội phạm này đã cân nhắc hình phạt tương xứng. Do vậy, khi xét xử các tội phạm có các tình tiết giảm nhẹ TNHS là yếu tố định tội hoặc yếu tố định khung hình phạt thì Tòa án quyết định hình phạt theo nguyên tắc chung, không xem xét các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ nữa (khoản 3 Điều 46 BLHS năm 1999). Quy định này của luật có thể xem như là nguyên tắc “không xem xét hai lần tình tiết giảm nhẹ”.

Các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt (khoản 3 Điều 46 BLHS năm 1999).

Ví dụ: Một người phạm tội Giết người theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLHS năm 1999 là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì khi quyết định hình phạt không xem xét tình tiết phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra là tình tiết giảm nhẹ được vận dụng ở điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS.

Các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt (khoản 3 Điều 46 BLHS năm 1999). Các tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt thực chất là cấu thành giảm nhẹ, nghĩa là nếu có một hoặc một số tình tiết khác ngoài những tình tiết đã được quy định trong cấu thành cơ bản (cấu thành không có tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng) và những tình tiết này làm cho tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội ít nguy hiểm hơn so với trường hợp bình thường khác không có tình tiết này, khung hình phạt của cấu thành giảm nhẹ bao giờ cũng nhẹ hơn cấu thành cơ bản. Không phải tội nào cũng có cấu thành giảm nhẹ mà còn tùy thuộc vào mỗi tội phạm và chính sách hình sự của Nhà nước trong việc xử lý từng tội phạm. Một số tội có cấu thành giảm nhẹ chủ yếu rơi vào các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Ví dụ: Phạm tội chống phá trại giam (Điều 90 BLHS năm 1999) nếu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo khoản 2 thì thuộc cấu thành giảm nhẹ, thuộc khoản 1 là cấu thành cơ bản.

1.1.3 Vai trò, ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

a. Vai trò của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trong việc thực hiện chính sách hình sự thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS có vai trò rất quan trọng, nó được thể hiện là một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản của BLHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS giữ vai trò là một trong những căn cứ chủ yếu khi quyết định hình phạt, bảo đảm cho hoạt động xét xử của Tòa án được chính xác, khách quan, công bằng, hợp lý. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng là căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt đã được xác định. Giá trị giảm nhẹ còn là căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS làm thay đổi mức độ nguy hiểm chứ không làm thay đổi tính chất nguy hiểm của tội phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trên tinh thần nhân đạo (khoan hồng với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao cho cơ quan, tổ chức xã hội hoặc gia đình giám sát, giáo dục...).

Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt có vai trò tác động tích cực tới người phạm tội trong việc giáo dục người phạm tội, hạn chế hậu quả, tác hại của tội phạm, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm.

b. Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa đối với việc giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội.

- Ý nghĩa xã hội của quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS:

+ Bảo đảm cho việc thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội trong lĩnh vực hình sự.

+ Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước về tội phạm. Việc quy định này là một cách thức đưa nội dung của chính sách hình sự trở thành hiện thực. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là phương tiện cần thiết để thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta.

- Ý nghĩa pháp lý của quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS:
- + Quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự có ý nghĩa là một phương tiện phân hóa TNHS trong luật.
- + Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được sử dụng như là phương tiện cá thể hóa TNHS trong áp dụng pháp luật.
- + Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một trong những điều kiện cần thiết để đạt được mục đích của hình phạt, để hạn chế việc phải sử dụng các biện pháp ngăn chặn có tính nghiêm khắc cao.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam là một chế định có vai trò, ý nghĩa to lớn cả về mặt xã hội cũng như pháp lý. Việc quy định này đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phân hóa và cá thể hóa TNHS, áp dụng các biện pháp xử lý khoan hồng về hình sự, bảo đảm một phán quyết công bằng và nhân đạo, tạo tiền đề quan trọng về tâm lý cho quá trình cải hóa người phạm tội.

1.2 Quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.2.1 Khái quát quá trình quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ năm 1945 đến năm 2015

Quá trình hình thành và phát triển của chế định các tình tiết giảm nhẹ TNHS là quá trình phát triển có tính kế thừa chọn lọc. Thông qua việc nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự thời phong kiến, những giá trị văn hóa pháp lý mà dân tộc ta tích lũy qua nhiều thế hệ. Những di sản pháp lý của dân tộc mà pháp luật hình sự hiện đại có thể kế thừa chính là việc thừa nhận sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện với mức độ TNHS mà người phạm tội phải gánh chịu.

Sau khi miền Bắc giành độc lập, để giải quyết tội phạm Nhà nước ta đã ban hành nhiều sắc lệnh như: Sắc lệnh thiết lập Tòa án quân sự để xem xét những người nào thực hiện việc gì đó có phương hại đến nền độc lập của nhà nước, Sắc lệnh số 21 ngày 14 tháng 02 năm 1946 quy định về mặt tội danh và hình phạt. Mục đích việc ban hành các sắc lệnh thời kỳ này một mặt ổn định tình hình an ninh chính trị

miền Bắc, một mặt giành độc lập miền Nam và thống nhất đất nước nên việc ban hành các sắc lệnh chủ yếu mang tính tạm thời. Các sắc lệnh này chưa nêu rõ và cụ thể về các tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội. Tuy nhiên, trong thời kỳ này việc nhà nước ban hành Pháp lệnh trừng trị tội phản cách mạng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (năm 1967) là một bước đột phá về việc quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Điều 20 Pháp lệnh ghi nhận “Những trường hợp giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn hình phạt”.

Năm 1970, Nhà nước ta tiếp tục ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Tại Điều 23 Pháp lệnh ghi nhận “Những trường hợp xử nhẹ hoặc miễn hình phạt”.

Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ TNHS thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1975 nhà nước ta ban hành chưa cụ thể, rõ ràng mà chỉ mang tính chung chung.

Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước độc lập thống nhất. Sau khi thống nhất về mặt nhà nước, vấn đề thống nhất pháp luật trong cả nước, trong đó có pháp luật hình sự đã được giải quyết về cơ bản.

Thời kỳ này phải kể đến việc ban hành Pháp lệnh trừng trị hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981, tại Điều 8 Pháp lệnh đã ghi nhận:

Những trường hợp miễn TNHS, giảm nhẹ hoặc miễn hình phạt.

1- Người phạm tội hối lộ, trước khi bị phát giác chủ động khai rõ sự việc, giao nộp đầy đủ của hối lộ, thì có thể được miễn TNHS; nếu là phạm tội nghiêm trọng thì có thể được giảm nhẹ hình phạt.

2- Người phạm tội hối lộ, sau khi bị phát giác tỏ ra thành thực hối cải, khai rõ sự việc, giao nộp đầy đủ của hối lộ, thì có thể được giảm nhẹ hình phạt.

3- Người phạm tội hối lộ lần đầu và không nghiêm trọng, sau khi bị phát giác, tỏ ra thành thực hối cải, khai rõ sự việc, giao nộp đầy đủ của hối lộ, thì có thể được miễn hình phạt [24].

Nhìn chung, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ TNHS từ năm 1975 đến năm 1985 vẫn chưa cụ thể, chi tiết.

Xuất phát từ thực trạng pháp luật hình sự mang tính riêng biệt như các Sắc Luật, Sắc Lệnh, Pháp Lệnh... mỗi văn bản chỉ quy định một vấn đề riêng biệt. Trong nhiều trường hợp, có những quy định về tội phạm và hình phạt lại chứa đựng trong nhiều văn bản. Do thực trạng như vậy nên văn bản pháp luật hình sự thiếu sự đồng bộ, thiếu thống nhất. Việc ra đời BLHS năm 1985 là tất yếu và khách quan. BLHS năm 1985 quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 38 với tên gọi là “Các tình tiết giảm nhẹ”. Tại khoản 1 Điều 38 BLHS năm 1985 có 08 điểm tương ứng với 08 nhóm tình tiết giảm nhẹ đó là:

“a) Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại;

b) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cần thiết hoặc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra;

c) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra;

d) Phạm tội mà chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

đ) Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức hoặc chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác;

e) Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

g) Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém;

h) Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm” [9].

Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ được phân thành nhóm mang tính chất tương đối đó là: Các tình tiết có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội, các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Trên cơ sở kế thừa quy định của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 tiếp tục quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 46 nhưng có sự bổ sung những quy định mới. Có thể tóm tắt những điểm mới sửa đổi, bổ sung đó như sau:

Tên gọi và điều luật quy định: Tên cũ là “Các tình tiết giảm nhẹ” quy định tại Điều 38 BLHS năm 1985. Tên mới là “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999. Việc bổ sung cụm từ “trách nhiệm hình sự” vào chế định nói trên là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết nhằm làm rõ nội dung của từng chế định và làm chính xác hóa thuật ngữ pháp lý này.

Số lượng, nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 46 BLHS năm 1999 đã bỏ một số tình tiết giảm nhẹ mà Điều 38 BLHS năm 1985 quy định, cụ thể những tình tiết sau đây: Phạm tội vì bị người khác chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác (điểm đ khoản 1 Điều 38 BLHS năm 1985); Phạm tội do trình độ nghiệp vụ non kém (điểm g khoản 1 Điều 38 BLHS năm 1985).

Có nhiều điểm của BLHS năm 1985 (xem điểm a, b, d, e, g, h khoản 1 Điều 38) được tách ra thành hai hoặc ba điểm quy định các nhóm tình tiết giảm nhẹ của khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Có hai tình tiết giảm nhẹ TNHS hoàn toàn mới được quy định thành các điểm độc lập trong BLHS năm 1999 là người phạm tội đã lập công chuộc tội (điểm r) và người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (điểm s).

Ngoài ra, có một tình tiết mới được bổ sung vào điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 là người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả.

Việc bổ sung 3 tình tiết mới này là hoàn toàn đúng đắn vì nó có tác dụng khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chủ động khắc phục hậu quả và thể hiện thái độ của Nhà nước ta tôn trọng quá khứ của người phạm tội, đồng thời cũng gián tiếp khuyến khích mọi người tích cực lập thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập và công tác.

BLHS năm 1999 đã bổ sung khoản 3 Điều 46 nhằm khắc phục thiếu sót của BLHS năm 1985. Trong đó quy định: “*Các tình tiết giảm nhẹ được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là các tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt*” [10]. Quy định này đã khắc phục được tình trạng nhận thức sai và áp dụng hình phạt nhẹ hơn mức cần thiết đối với bị cáo. So với BLHS năm 1985 thì BLHS năm 1999 quy định về nguyên tắc này rõ ràng hơn. BLHS năm 1985 chỉ quy định: “những tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng”, nhưng lại không quy định nguyên tắc này đối với các tình tiết giảm nhẹ TNHS nên thực tiễn xét xử đã hiểu và áp dụng không thống nhất, có Tòa án vẫn coi là tình tiết giảm nhẹ khi tình tiết đó đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt.

BLHS năm 2015 đã bổ sung 4 tình tiết giảm nhẹ TNHS mới so với BLHS năm 1999 đó là: Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra; Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng. Riêng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người già” trong BLHS năm 1999 được đổi thành “người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” trong BLHS năm 2015.

1.2.2 Nội dung của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999

a. Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm, nếu không có gì ngăn cản thì tác hại của tội phạm sẽ xảy ra hoặc xảy ra lớn hơn nhưng người phạm tội đã chủ động ngăn chặn không để cho tác hại xảy ra hoặc chủ động hạn chế mức độ tác hại của tội phạm. Việc này đã làm cho mức độ nguy hiểm của tội phạm bị giảm bớt. Việc làm giảm bớt tác hại có thể thực hiện ngay cả khi hành vi phạm tội đã chấm dứt.

Hành động ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của tội phạm phải xảy ra trên thực tế thì mới coi là tình tiết giảm nhẹ, nếu nó chỉ là có khả năng sẽ xảy ra thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Thiệt hại và tác hại không phải bao giờ cũng là một, có sự tác hại là thiệt hại cụ thể có thể xác định được như tính mạng, sức khỏe, tài sản... nhưng có sự tác hại không phải là thiệt hại xác định cụ thể được như tác hại đến nền an ninh chính trị, đến trật tự an toàn công cộng... Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, cần xem xét cả hành vi đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm mà tác hại đó không phải là thiệt hại cụ thể.

Việc người phạm tội ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm có thể do họ tự thực hiện hoặc do người khác tác động để họ thực hiện. Nếu người phạm tội có nhờ người khác cùng ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm thì họ vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với toàn bộ kết quả của việc ngăn chặn. Vì điều luật chỉ quy định “đã ngăn chặn, làm giảm bớt” chứ không quy định “tự ngăn chặn, làm giảm bớt” nên mức độ giảm nhẹ TNHS sẽ phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại. Nếu họ tự hành động sẽ được giảm nhẹ nhiều hơn các trường hợp do người khác tác động.

Trong vụ án có đồng phạm nếu người đồng phạm can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản mà người thực hiện tội phạm nghe theo thì cả hai đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Nếu hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản, mặc dù người thực hiện tội phạm không nghe nhưng hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản có tác dụng làm cho tác hại được giảm bớt thì người có hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào kết quả ngăn chặn, hạn chế được tác hại của tội phạm và thái độ chủ quan của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (như có tự nguyện, tích cực hay không).

Bên cạnh vai trò là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt, tình tiết người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm còn là căn cứ để miễn TNHS, miễn hình phạt cho người không tổ giác tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 314 BLHS năm 1999. Điểm đặc trưng của việc hạn chế tác hại của tội phạm trong trường hợp này, hạn chế tác hại do người phạm tội khác đã gây ra trước đó và người không tổ giác có ý thức tích cực hạn chế tác hại có thể xảy ra.

b. Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tội phạm bao giờ cũng gây ra cho xã hội những thiệt hại đáng kể. Các thiệt hại có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe... Về nguyên tắc, người gây thiệt hại sẽ bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, để buộc người phạm tội bồi thường cần một quá trình tố tụng mà thiệt hại cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời. Vì vậy, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả sớm thì không chỉ cần thiết cho việc khôi phục sự bình thường của các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại mà còn thể hiện thái độ của người phạm tội đã nhận thức được sai lầm của mình, mong muốn sửa chữa, khắc phục hậu quả.

Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp người phạm tội đã tự mình hoặc tác động đến người thân thích của mình tìm mọi cách đền bù hoặc khắc phục các thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra như: sửa chữa tài sản bị hư hỏng, trả lại tài sản đã chiếm đoạt, bồi thường các khoản tổn phí về thuốc men, viện phí...

Sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là ba khái niệm có nội dung khác nhau nên có thể hiểu điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS bao gồm 3 tình tiết giảm nhẹ nhưng các tình tiết này gần giống nhau về bản chất nên được quy định trong cùng một điểm. Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết này cần chú ý nếu người phạm tội chỉ tự nguyện sửa chữa mà không bồi thường hoặc khắc phục hậu quả thì chỉ xác định đã tự nguyện sửa chữa thiệt hại, không được xác định cả tình tiết bồi thường hoặc khắc phục hậu quả, nếu người phạm tội vừa tự nguyện sửa chữa, vừa

tự nguyện bồi thường, vừa tự nguyện khắc phục hậu quả thì phải coi họ có cả ba tình tiết giảm nhẹ nếu hành vi của họ chỉ xâm phạm trực tiếp đến một khách thể.

Để được hưởng tình tiết giảm nhẹ này người phạm tội phải tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của tội phạm. Cũng được coi là tự nguyện nếu do người khác khuyên bảo mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc người phạm tội đang bị giam giữ không thể tự mình sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được nên đã tác động, nhấn tin cho gia đình bồi thường thay cho mình. Nếu do tác động của người khác (ép buộc, cưỡng chế) người phạm tội mới sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Việc áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ này, tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể như sau:

- Bị cáo là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 15 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo là người từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nếu bị cáo không có tài sản;

- Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, nếu số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên xuất trình được chứng cứ chứng minh là họ đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu

quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó về nhà cất giữ để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường khi có yêu cầu;

- Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (ví dụ việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ) nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ, hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (nếu bị cáo không có tài sản để bồi thường) và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra [3].

Như vậy, đối với người chưa thành niên phạm tội thì người đại diện hợp pháp của người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Việc tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả phải xảy ra trước khi xét xử và ở cấp xét xử nào thì cấp đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện và mức sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục hậu quả của người phạm tội đối với thiệt hại mà họ gây ra.

c. Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS)

Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải là người vì bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Người bị hại là người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích trên. Nếu hành vi xâm phạm chưa bắt đầu hoặc đã kết thúc thì không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Nếu tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm không đáng kể thì hành vi chống trả không được coi là phòng vệ.

Thiệt hại mà người bị hại gây nên cho hành vi xâm phạm có thể nhiều loại (tính mạng, sức khỏe, tài sản, nhân phẩm, danh dự hoặc các lợi ích xã hội khác) nhưng thiệt hại mà người phạm tội gây ra chỉ có thể là tính mạng và sức khỏe cho người có hành vi xâm phạm.

Về hành vi chống trả của người phạm tội rõ ràng là quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm phạm. Việc đánh giá hành vi chống trả có quá mức cần thiết hay không phải căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm, không gian, địa điểm nơi xảy ra sự việc và các yếu tố có liên quan.

Xuất phát từ động cơ của người phạm tội là bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mặt khác họ không có ý thức phạm tội và không có đủ điều kiện khách quan, chủ quan để bình tĩnh, sáng suốt lựa chọn chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, cũng như đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công đặc biệt trong những trường hợp bị tấn công bất ngờ. Do đó, tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt tới tính nguy hiểm của tội phạm.

BLHS quy định trong hai trường hợp (đối với tội giết người và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, làm thay đổi tính chất của tội phạm, có vai trò là tình tiết giảm nhẹ định tội, TNHS của người phạm tội trong hai trường hợp này là rất thấp (được quy định tại Điều 96 và Điều 106 BLHS năm 1999).

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ giới hạn vượt quá của hành vi phòng vệ. So với các tình tiết giảm nhẹ khác thì tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được giảm nhẹ nhiều hơn.

d. Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS)

Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là trường hợp vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây ra thiệt hại để tránh một thiệt hại khác nhưng thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Để được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và không phải chịu TNHS khi có đủ những điều kiện sau:

- + Phải có sự nguy hiểm đang đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc, nếu sự nguy hiểm đó chưa xảy ra hoặc đã kết thúc thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết;

- + Sự nguy hiểm đang đe dọa phải là sự nguy hiểm thực tế, nếu sự nguy hiểm đó không chứa đựng khả năng thực tế gây ra hậu quả cho xã hội mà chỉ do người thiệt hại tưởng tượng ra thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết;

- + Việc gây thiệt hại để tránh một thiệt hại khác là sự lựa chọn duy nhất: điều kiện này đòi hỏi người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết phải nhanh chóng chống khả năng đe dọa ngay tức khắc của sự nguy hiểm, nếu không chọn phương pháp gây thiệt hại thì tất yếu không thể tránh được thiệt hại lớn hơn. Nếu còn biện pháp khác để khắc phục sự nguy hiểm và gây thiệt hại là không cần thiết thì không thuộc tình thế cấp thiết;

- + Thiệt hại gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại muốn tránh, mức độ giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào cường độ của nguồn nguy hiểm và mức độ thiệt hại trên thực tế.

đ. Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra (điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS)

Trạng thái tinh thần bị kích động là tình trạng tâm lý của con người bị giảm sút về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đặc biệt là tính tự chủ và kiềm chế do sự tác động của ngoại cảnh.

Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm trong tình trạng không hoàn toàn làm chủ về lý trí và tình cảm do tác động của hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác dẫn đến sự hạn chế về khả năng kiểm soát và khả năng điều khiển hành vi, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức và khả năng điều khiển đối với hành vi của mình.

Được coi là người phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra khi có đủ các điều kiện: Trạng thái tinh thần của người phạm tội phải ở tình trạng bị kích động; phải có hành vi trái pháp luật (có thể là pháp luật hình sự, pháp luật dân sự...) của người bị hại hoặc người khác; hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác phải là hành vi đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích, người có quan hệ thân thiết với người phạm tội là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động về tinh thần. Nếu hành vi trái pháp luật gây ra cho người khác không có liên quan gì đến người phạm tội thì người phạm tội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, vì nếu không phải người thân thiết thì không thể có lý do để người phạm tội có thể bị kích động về tinh thần.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tác động dẫn tới mức độ bị kích động và mức độ phản ứng của người bị kích động.

e. Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra (điểm e khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm do bị chi phối bởi hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do khách quan đưa lại, họ biết việc làm của

mình là vi phạm pháp luật nhưng vì quẫn bách hoặc để vượt qua khó khăn nhất thời họ đã phạm tội, ý thức chống đối pháp luật của người phạm tội trong trường hợp này thấp hơn so với các trường hợp khác, mục đích của việc thực hiện tội phạm là nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn đó. Hoàn cảnh khó khăn có thể là do thiên tai, chiến tranh, tai nạn, bệnh tật... Hoàn cảnh khó khăn không phải do lỗi của người phạm tội gây ra, nếu do chính bản thân người phạm tội gây ra thì không được giảm nhẹ TNHS theo tình tiết này. Hoặc việc thực hiện tội phạm không phải nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn thì người phạm tội cũng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Việc xác định thế nào là khó khăn đặc biệt để coi là tình tiết giảm nhẹ thì khó khăn đó phải rơi vào hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội và ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi phạm tội của người phạm tội chứ không phải ở địa phương của họ.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS này chỉ được áp dụng đối với những tội phạm do cố ý, không áp dụng trong trường hợp người phạm tội do vô ý vì các tội phạm do vô ý không có mục đích phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ khó khăn mà người phạm tội rơi vào hoàn cảnh đó và mức độ cố gắng tìm cách khắc phục của người phạm tội; khó khăn càng lớn thì mức độ giảm nhẹ càng nhiều.

g. Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là những trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm nhưng chưa gây ra hậu quả cho xã hội hoặc tuy hậu quả đã xảy ra nhưng không lớn vì được hạn chế do những nguyên nhân khách quan nằm ngoài ý muốn của người phạm tội, như: Hành vi phạm tội bị phát hiện kịp thời nên không xảy ra hậu quả do đã có sự ngăn chặn từ phía những người khác...

Ở tình tiết giảm nhẹ này hoàn toàn không có yếu tố tác động của người phạm tội, người phạm tội hoàn toàn không có hành động ngăn chặn để làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Khác với tình tiết “Tự nguyện sửa chữa, bồi

thường thiệt hại” nếu người phạm tội chủ động ngăn chặn nên thiệt hại chưa xảy ra hoặc đã xảy ra nhưng thiệt hại không lớn thì thuộc trường hợp “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Hai tình tiết giảm nhẹ này giống nhau ở chỗ thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn, nhưng khác nhau ở nguyên nhân dẫn đến việc thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” chính là sự hạn chế về mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra nên luật hình sự coi trường hợp này là trường hợp được giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, sự hạn chế về thiệt hại lại do nguyên nhân khách quan nên giá trị giảm nhẹ của tình tiết này cũng chỉ ở mức độ nhất định và thấp hơn so với tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc hoàn toàn vào mức thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra cho nạn nhân trong phạm vi một cấu thành cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn định lượng như thế nào là thiệt hại không lớn, gây khó khăn cho việc áp dụng tình tiết này đối với người phạm tội.

h. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tình tiết “phạm tội lần đầu” chỉ có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội nếu việc “lần đầu” phạm tội đó “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Do đó, điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này phải thỏa mãn hai điều kiện cần và đủ, nghĩa là phải thỏa mãn hai vế của vấn đề là “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” thì người phạm tội sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt. Nếu người phạm tội chỉ có một trong hai điều kiện trên thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt.

Việc xác định thế nào là phạm tội lần đầu về lý luận cũng như thực tiễn xét xử còn nhiều ý kiến khác nhau. Quan điểm của người viết cũng giống như đại đa số quan điểm cho rằng, phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào. Nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án nhưng đã hết thời hiệu truy cứu TNHS nay bị truy cứu TNHS trong lần phạm tội

sau, thì không được coi là phạm tội lần đầu. Tình tiết giảm nhẹ này có tính nhân đạo với những người chưa bao giờ thực hiện hành vi phạm tội, nay vì lý do hoàn cảnh nào đó họ phạm tội lần đầu.

Tuy nhiên, để được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, người phạm tội lần đầu phải “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Trường hợp ít nghiêm trọng bao gồm: Trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù – khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999) và trường hợp tuy phạm vào tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nhưng vị trí, vai trò của người phạm tội ít nghiêm trọng (thường trong trường hợp phạm tội đồng phạm).

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện trong phạm vi một khung hình phạt.

i. Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức (điểm i khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đe dọa là dọa nạt, là tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra; cưỡng bức là dùng sức mạnh uy hiếp tinh thần người khác để bắt buộc họ phải làm dù không muốn cũng không được.

Phạm tội vì bị người khác đe dọa là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị uy hiếp về mặt tinh thần, bằng cách đe dọa dùng vũ lực hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội hoặc đối với gia đình của họ. Sự uy hiếp đó phải chứa đựng khả năng trở thành hiện thực. Còn phạm tội vì bị người khác cưỡng bức là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác sử dụng bạo lực về thể chất hoặc tinh thần đối với người phạm tội, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu hành vi cưỡng bức không phải là đe dọa.

Cưỡng bức và đe dọa tuy khác nhau về mức độ, nhưng đều làm người khác sợ hãi mà phải phạm tội. Khoa học luật hình sự coi trường hợp đe dọa là cưỡng bức về mặt tinh thần. Vì vậy, đe dọa thực chất là một trường hợp của cưỡng bức, nhưng

mức độ làm cho người khác sợ hãi ít hơn trường hợp bị cưỡng bức về vật chất (cưỡng bức về thân thể).

Cưỡng bức về thân thể là trường hợp một người bị bạo lực vật chất tác động (bị trói, bị giam giữ, bị bịt miệng...) khiến họ không hành động được theo ý muốn của mình mặc dù họ biết nếu làm như vậy sẽ gây thiệt hại đến người khác. Người bị cưỡng bức về thân thể không phải chịu TNHS vì họ không có lỗi. Người có hành vi cưỡng bức sẽ phải chịu toàn bộ TNHS về tội phạm mà người bị cưỡng bức gây ra.

Cưỡng bức về tinh thần là trường hợp một người bị đe dọa uy hiếp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc những lợi ích khác. Người bị cưỡng bức vì sợ bị thiệt hại nên đã hành động hoặc không hành động gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Nếu người bị cưỡng bức hoàn toàn bị tê liệt về ý chí, không còn cách nào khác, buộc phải hành động theo ý muốn của kẻ cưỡng bức thì không phải chịu TNHS. Nếu sự cưỡng bức chưa tới mức làm cho người bị cưỡng bức tê liệt ý chí thì người bị cưỡng bức phải chịu TNHS. Tuy nhiên, ý thức chống đối xã hội của họ ít hơn, người phạm tội ít nguy hiểm hơn so với các trường hợp thông thường khác. Trong trường hợp người bị cưỡng bức theo pháp luật có nghĩa vụ phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe của công dân thì sự cưỡng bức về tinh thần ở mức độ nào cũng không loại trừ TNHS và hành vi phạm tội của họ cũng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Trong tình trạng bị đe dọa, cưỡng bức, hành vi của con người không hoàn toàn là kết quả của sự tự do ý chí; do bị đe dọa, cưỡng bức người phạm tội không hoàn toàn tự do lựa chọn, điều khiển hành vi của mình và bị buộc phải thực hiện tội phạm; những thiệt hại do hành vi phạm tội của họ gây ra không phù hợp với mong muốn của họ.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức và hoàn cảnh, điều kiện tránh khỏi đe dọa, cưỡng bức đó.

k. Phạm tội do lạc hậu (điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp phạm tội do trình độ nhận thức lạc hậu, thấp kém, đã hạn chế khả năng nhận thức tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Người phạm tội do lạc hậu là những người do đời sống sinh hoạt xã hội đều theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, không hiểu biết về pháp luật. Thực chất khi phạm tội họ nhận thức rất kém về tính trái pháp luật của hành vi.

Nguyên nhân dẫn đến trình độ lạc hậu của người phạm tội phải là khách quan như do không được học tập, không có những điều kiện thực tế để họ nhận biết được giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu. Ở nước ta, một số đồng bào sống ở vùng rừng núi, đời sống văn hóa, tinh thần chưa cao, mọi quan hệ xã hội còn theo phong tục, tập quán địa phương, Nhà nước tuy đã có biện pháp để nâng cao trình độ nhận thức của họ nhưng vẫn còn một số bộ phận lạc hậu. Tình tiết “phạm tội do lạc hậu” không chỉ được quy định là tình tiết giảm nhẹ TNHS mà còn là yếu tố định tội trong trường hợp đặc biệt như “người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu...giết con do mình đẻ ra...” (Điều 94 BLHS năm 1999).

Việc xác định tình tiết giảm nhẹ này phải căn cứ vào việc đánh giá nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến nhận thức của người phạm tội.

Đối với trường hợp người phạm tội đã được phổ biến, giáo dục về sự nguy hại của ma túy, chủ trương chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy... mà lại có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc mua bán trái phép chất ma túy, thì không thể viện dẫn lý do ở miền núi trình độ lạc hậu, ít hiểu biết pháp luật và coi đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS để áp dụng đối với người phạm tội được.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này tùy thuộc vào mức độ lạc hậu của người phạm tội, vào những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương nơi người phạm tội sinh sống.

l. Người phạm tội là phụ nữ có thai (điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS)

Là trường hợp người phụ nữ thực hiện tội phạm trong thời gian đang mang thai. Việc mang thai thường gây ra những thay đổi quan trọng về tâm sinh lý dễ dẫn đến tình trạng bị kích động, hạn chế khả năng kiểm soát hành vi.

Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của nước ta nên Luật hình sự Việt Nam quy định người phụ nữ có thai khi phạm tội bị xử lý nhẹ hơn người bình thường phạm tội. BLHS có một quy định đặc biệt là không được áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc bị xét xử (Điều 35 BLHS).

Nếu khi thực hiện tội phạm người phụ nữ không có thai mà chỉ sau khi thực hiện tội phạm mới có thai thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt. Trong trường hợp chưa có đủ căn cứ để kết luận người phụ nữ có thai khi phạm tội thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định [3].

Mức độ giảm nhẹ phụ thuộc vào thời kỳ mang thai, ảnh hưởng của tình trạng thai nhi đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội.

m. Người phạm tội là người già (điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS)

Việc quy định tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ TNHS xuất phát từ tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa, thể hiện chính sách hình sự đối với người cao tuổi.

Theo hướng dẫn của Tòa án tối cao thì đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên mà phạm tội thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. BLHS 2015 đã quy định cụ thể “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” là tình tiết giảm nhẹ TNHS [11].

BLHS không phân biệt người già phạm tội nào thì được giảm nhẹ TNHS hơn tội nào, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, người già phạm các tội mà tội đó bị ảnh hưởng trực tiếp đến tuổi già thì được giảm nhẹ TNHS hơn khi họ phạm những tội không liên quan gì đến tuổi già. Tuy căn cứ để xác định tình tiết này là độ tuổi nhưng mức độ giảm nhẹ trách nhiệm còn tùy thuộc vào sức khỏe của từng người. Sức khỏe càng yếu mức giảm càng nhiều. Nếu tình trạng sức khỏe của người già lại thuộc trường hợp “*Người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng*

điều khiển hành vi của mình” thì họ được coi là phạm tội có cả hai tình tiết giảm nhẹ TNHS.

n. Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đang mắc bệnh nào đó nên đã không nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mình, cũng như hậu quả của hành vi do mình gây ra hoặc nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó nhưng bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, không điều khiển được hành vi theo ý muốn. Trong trường hợp này, lỗi của người phạm tội là lỗi hạn chế nên họ được coi là có tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Tình tiết giảm nhẹ này chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có bệnh này do bẩm sinh hoặc do những tác động khách quan gây nên và phải gắn với hành vi cụ thể mà họ thực hiện chứ không phải cứ có bệnh là được giảm nhẹ.

Nếu tình trạng bệnh tật của một người đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì họ không phải chịu TNHS. Việc xác định tình trạng của một người còn hay mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thuộc trách nhiệm của cơ quan pháp y. Ở giai đoạn tố tụng nào phát hiện được hoặc do người phạm tội yêu cầu thì cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tình trạng bệnh tật của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào tình trạng bệnh tật, mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

o. Người phạm tội tự thú (điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS)

Theo quy định của Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao thì, người phạm tội tự thú là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện mình phạm tội. Đây là trường hợp tội phạm chưa bị phát hiện nhưng người thực hiện tội phạm đó đã tự đến cơ quan có thẩm quyền (Công an, Viện kiểm sát...) khai báo hành vi phạm tội của mình. Cũng được coi là tự thú trong trường hợp một người bị bắt, bị phát hiện về một

hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị ai phát hiện.

Khoản 2 Điều 25 BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS nếu “người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm”. Như vậy, người phạm tội tự thú có thể được miễn TNHS khi có đủ các điều kiện, đó là: Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú; Sau khi đã tự thú, khai rõ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm (nếu có), góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm.

Nếu thiếu một trong những điều kiện trên đây hoặc tuy đầy đủ nhưng do tính chất, mức độ phạm tội của người tự thú chưa đến mức được miễn TNHS thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú” khi quyết định hình phạt.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào thời gian, mức độ của hành vi tự thú và những điều kiện về tự thú của người phạm tội, nếu việc tự thú giúp cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh tội phạm, phát hiện tội phạm thì mức độ giảm nhẹ nhiều hơn, thậm chí được miễn hình phạt.

p. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS)

Thành khẩn khai báo là trường hợp người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai đầy đủ và đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện.

Giá trị giảm nhẹ TNHS đối với trường hợp có thái độ thành khẩn khai báo tùy thuộc vào sự thành khẩn của người phạm tội ở giai đoạn tố tụng nào và tùy thuộc vào ý nghĩa thiết thực của lời khai đó với việc xác định hành vi phạm tội của họ cũng như các đồng phạm khác (nếu có). Việc thành khẩn khai báo ở giai đoạn tố tụng nào cũng có ý nghĩa tích cực nhất định. Đánh giá giá trị giảm nhẹ của tình tiết này không thể đơn thuần nhìn vào thời điểm của sự thành khẩn ở giai đoạn nào trong quá trình tố tụng mà phải căn cứ vào ảnh hưởng của việc khai báo thành khẩn đến hiệu quả của việc điều tra, xét xử.

Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm về tội lỗi của mình không chỉ bằng lời nói mà còn bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc mình muốn sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt; bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Đối với những trường hợp người phạm tội thật thà khai báo về những hành vi mà họ đã thực hiện, nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế nên cho rằng hành vi của họ là hợp pháp, không thừa nhận là đã phạm tội, nhưng sau khi được cơ quan tiến hành tố tụng phân tích, giải thích, họ biết được tội lỗi và ăn năn hối cải. Khi xét xử, Tòa án cần cho họ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thật thà khai báo, ăn năn hối cải”.

Mức độ giảm nhẹ của việc thành khẩn khai báo phụ thuộc vào sự thành khẩn được thực hiện ở giai đoạn tố tụng nào và ý nghĩa thiết thực của sự thành khẩn trong việc giải quyết vụ án; mức độ giảm nhẹ của sự ăn năn hối cải phụ thuộc vào mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội, những hành động, việc làm cụ thể chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó.

q. Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm là người phạm tội đã cung cấp các bằng chứng, tài liệu, tin tức cho cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm (chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang lẩn trốn...) hoặc làm mọi việc theo yêu cầu của các cơ quan đó để phát hiện và điều tra tội phạm mà họ tham gia thực hiện hoặc về một tội phạm khác hoặc người phạm tội khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến họ nhưng họ biết được.

Tình tiết giảm nhẹ này thực chất là một điều kiện của tự thú, có thể sau khi vụ án bị phát hiện họ đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Còn sau khi tự thú, người phạm tội giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thì có thể được miễn TNHS. Là một điều kiện của tự thú nhưng lại là tình tiết giảm nhẹ độc lập, nếu chỉ có tình tiết này thì không thể gọi

là người phạm tội tự thú được. Còn nếu đã xác định người phạm tội tự thú thì không áp dụng tình tiết này là một tình tiết giảm nhẹ độc lập nữa.

Trong trường hợp người phạm tội khai báo với cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến mình, thì họ vẫn được giảm nhẹ TNHS theo tình tiết này.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chủ động, mức độ tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm; giá trị của những thông tin, tài liệu, bằng chứng mà người phạm tội đã cung cấp; hiệu quả của những tin tức và hành vi giúp đỡ của người phạm tội.

r. Người phạm tội đã lập công chuộc tội (điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS)

Đây là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, cho đến trước khi bị xét xử, người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà còn có những hành động giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền phát hiện hoặc ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt người phạm tội, có hành động vì lợi ích của nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận.

Việc lập công này thể hiện phần nào sự hối hận cũng như quyết tâm cải tạo của người phạm tội. Thông thường người phạm tội được coi là lập công chuộc tội nếu họ có thành tích xuất sắc trong hoàn cảnh đặc biệt đáng được biểu dương như không quản ngại khó khăn, đặc biệt có thể ảnh hưởng đến tính mạng đã lao vào đám cháy, lũ lụt để cứu người, tài sản.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào công trạng của người phạm tội lập được, thành tích càng lớn mức giảm nhẹ TNHS càng nhiều, thậm chí có thể được miễn hình phạt nếu có thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 54 BLHS năm 1999. Trường hợp bị kết án mà lập công lớn thì người phạm tội có thể được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 1999.

s. Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS)

Theo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được khen thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo, hoặc có thể sáng chế phát minh có giá trị lớn hơn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua [2].

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này xuất phát từ đòi hỏi công bằng, thông qua việc cân nhắc hợp lý giữa công và tội của người phạm tội, đồng thời tính đến khả năng cải hóa của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ thành tích xuất sắc mà người phạm tội đã đạt được. Tình tiết này có ý nghĩa rất nhỏ trong trường hợp phạm những tội nghiêm trọng.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS cụ thể đã được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự thì *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”*. Điều này thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, đảm bảo hiệu quả của nguyên tắc có lợi cho bị cáo, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Đây là những tình tiết được áp dụng trong thực tiễn xét xử của Tòa án, có giá trị pháp lý đáng kể, giúp HĐXX có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt và lựa chọn biện pháp chấp hành hình phạt. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS cho phép quyền tùy nghi rộng rãi đối với Tòa án trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS. HĐXX căn cứ vào từng vụ án, hoàn cảnh cụ thể, nhân thân của người phạm tội để xác định một tình tiết giảm nhẹ nào đó là tình tiết giảm nhẹ khác và ghi rõ vào bản án.

Tuy nhiên, để các Tòa án áp dụng thống nhất, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/9/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn cụ thể các tình tiết sau đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác:

- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước;

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ;

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;

- Người bị hại cũng có lỗi;

- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;

- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;

- Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu [2].

Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà HĐXX có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án. Như các trường hợp sau [19]: Nếu có người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội nhưng biết không thể trốn tránh được nên người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện (đầu thú). Cũng cần chú ý là, trong trường hợp này, nếu người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hoặc có những việc làm khác thuộc trường hợp được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS.

Luật hình sự không cho phép áp dụng các tình tiết này để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 có giá trị pháp lý thấp hơn so với các tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên mức độ giảm nhẹ TNHS cũng thấp hơn.

Kết luận chương 1

1. Trong khoa học pháp lý hình sự hiện vẫn chưa thống nhất về mặt nhận thức đối với khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, trên cơ sở một số quan điểm điển hình và quy định của BLHS năm 1999, có thể đưa ra khái niệm: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết của vụ án hình sự, làm giảm đi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và có ý nghĩa làm giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt.

2. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 là những yếu tố làm giảm nhẹ mức độ TNHS. Nó làm thay đổi mức độ nguy hiểm chứ không làm thay đổi tính nguy hiểm của tội phạm.

3. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 là căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn của khung hình phạt và là căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức tối thiểu của khung hình phạt hoặc được miễn hình phạt.

4. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1 Đánh giá tổng quan tình hình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015

Để đánh giá tổng quan tình hình xét xử các vụ án hình sự của TAND thành phố Hà Nội, tôi khảo sát thực tiễn xét xử hàng năm từ năm 2011 đến năm 2015 của TAND thành phố Hà Nội. Số liệu thống kê thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Bảng thống kê số liệu xét xử các vụ án hình sự từ năm 2011-2015 của TAND thành phố Hà Nội

NĂM	CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ NÓI CHUNG			
	Thụ lý		Giải quyết	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	508	1236	460	1035
2012	602	1473	580	1438
2013	359	628	323	547
2014	777	2097	739	1949
2015	694	1680	663	1523
Tổng	2940	7114	2765	6492

[Nguồn của TAND thành phố Hà Nội]

Khảo sát thực tế số liệu thống kê từ năm 2011 đến năm 2015 về số vụ án hình sự đã giải quyết của TAND thành phố Hà Nội cho thấy: hầu hết số vụ án hình sự của năm sau đều tăng so với năm trước. Trong đó, bình quân số vụ án thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người tăng 13,8%; nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu tăng 14,9%; nhóm tội về ma túy tăng

35,6%; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng tăng 3,7%; nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính tăng 6,5%; các nhóm tội khác tăng 9,2%.

Có thể thấy rằng, số lượng các vụ án hình sự mà TAND thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết trong 05 năm qua là rất lớn. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng về cơ bản, công tác xét xử án hình sự đạt kết quả tốt. Việc áp dụng pháp luật, thực hiện các trình tự tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. TAND thành phố Hà Nội đã có nhiều cố gắng nên việc giải quyết các vụ án hình sự đạt tỷ lệ khá cao. Trong quá trình giải quyết các vụ án, TAND thành phố Hà Nội đã nghiêm túc triển khai các yêu cầu về cải cách tư pháp liên quan tới lĩnh vực này nên chất lượng xét xử ngày càng tiến bộ. Nhìn chung, việc xét xử các vụ án hình sự của TAND thành phố Hà Nội trong thời gian qua đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tới mức thấp nhất việc xét xử sai, đặc biệt là việc xét xử oan người vô tội; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Nhiều vụ án nghiêm trọng đã được TAND thành phố Hà Nội phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để khẩn trương đưa ra xét xử công khai, nghiêm minh; các hình phạt áp dụng đối với người phạm tội nghiêm khắc, đúng mức, được dư luận nhân dân đồng tình. Các Hội đồng xét xử đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thận trọng cân nhắc khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và các quy định của BLHS để áp dụng hình phạt không phải là hình phạt tù.

Mặc dù, việc chấp hành pháp luật trong hoạt động giải quyết án hình sự của TAND thành phố Hà Nội cơ bản đạt kết quả tốt, tiến độ, chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án đạt và vượt chỉ tiêu của ngành. Tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan trong nhiều năm được hạn chế ở mức thấp và theo xu hướng giảm dần. Song, thông qua việc nghiên cứu, xem xét một số vụ án bị hủy, sửa cho thấy thực tiễn xét xử vẫn tồn tại khuyết điểm.

Những sai sót thường mắc phải là: Định tội danh không đúng; áp dụng không đúng các điều, khoản của BLHS; áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS chưa phù hợp dẫn đến xử bị cáo quá nhẹ hoặc quá nặng, cho hưởng án treo, xử dưới khung hình phạt không đúng quy định của pháp luật; nhấn mạnh bồi

thường thiệt hại mà chưa chú trọng đến tính chất và hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra cho xã hội; việc xử lý vật chứng, tịch thu tài sản hoặc tiền đã tham gia vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có chưa đúng quy định của pháp luật; việc áp dụng Bộ luật Dân sự để xác định bồi thường thiệt hại, cấp dưỡng đối với người bị hại, hoặc đối với người bị hại có trách nhiệm nuôi dưỡng chưa chính xác hoặc giải quyết chưa triệt để; việc ra lệnh tạm giam đối với các bị cáo đang tạm giam sau khi nhận hồ sơ của VKSND còn có nhiều sai sót; việc thực hiện mẫu các văn bản tố tụng không đúng theo quy định của pháp luật và mẫu của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn; việc trả hồ sơ cho VKSND để điều tra bổ sung không có căn cứ để vụ án bị kéo dài; biên bản phiên toà không phản ánh đầy đủ nội dung diễn biến của phiên toà; phiên toà xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng không đúng quy định của pháp luật; cấp phúc thẩm sửa án của cấp sơ thẩm không có căn cứ hoặc căn cứ chưa phù hợp.

Thông qua biên bản phiên toà, là tài liệu phản ánh diễn biến của phiên toà cho thấy, có những phiên toà mà việc xét hỏi và tranh luận theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/6/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chưa tốt: xét hỏi còn phiến diện, không đầy đủ dẫn đến việc ra bản án quyết định hình phạt không đúng quy định của pháp luật. Việc kiểm tra căn cước, lý lịch của bị cáo chưa được thể hiện đầy đủ trong biên bản phiên toà. Ví dụ: kiểm tra như thế nào, kiểm tra những vấn đề gì, kết quả kiểm tra tại chỗ có mâu thuẫn với hồ sơ không, trong biên bản phiên toà không thể hiện. Thông qua biên bản phiên toà còn cho thấy nội dung đối đáp giữa đại diện VKSND với luật sư chưa phản ánh đầy đủ so với yêu cầu tranh tụng tại phiên toà, nhiều trường hợp đại diện VKSND không đối đáp hết các quan điểm của luật sư tranh tụng.

Những hạn chế trong hoạt động giải quyết án hình sự thuộc bốn nhóm vi phạm sau: quyết định hình phạt quá nhẹ, áp dụng Điều 31, 60 của BLHS năm 1999 để cho cải tạo không giam giữ, hưởng án treo không đúng. Ngược lại, có trường hợp quyết định hình phạt quá nặng; xác định sai tội danh, áp dụng không đúng điều khoản của BLHS, trong đó có trường hợp áp dụng không đúng quy định về tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; đánh giá chứng cứ, xác định tiền án, tiền sự, xử lý vật chứng, phân hoá vai trò trong đồng phạm, cá thể hoá hình phạt, trả hồ sơ điều tra bổ sung không chính xác; coi nhẹ giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự.

Do những văn bản hướng dẫn cho hoạt động xét xử án hình sự của TAND tối cao chưa đầy đủ, cụ thể nên trong thực tiễn, TAND các cấp thường vận dụng linh hoạt những hướng dẫn của TAND tối cao để áp dụng cho từng vụ án cụ thể, nhưng các địa phương hiểu và thực hiện các hướng dẫn của TAND tối cao đôi khi còn khác nhau. Quan điểm khác nhau này xảy ra ngay trong các thành viên của hội đồng xét xử nên hiệu quả của công tác hướng dẫn pháp luật còn chưa được như mong muốn. Đây cũng chính là nguyên nhân của tình trạng các vụ án bị cấp trên sửa, huỷ có chiều hướng tăng. Có thể thấy rằng, việc áp dụng không đúng các quy định của Bộ luật hình sự đã ảnh hưởng lớn đến tính công minh của pháp luật, nhiều vụ án oan sai còn xảy ra.

Thêm nữa, trên thực tế, trình độ chuyên môn của một số Hội thẩm nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu xét xử. Khi tham gia xét xử, quyền của Hội thẩm nhân dân được pháp luật quy định ngang với Thẩm phán. Điều này đương nhiên đòi hỏi kiến thức pháp luật của Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử phải tương đương Thẩm phán, nhưng thực tế hiện nay chưa đạt. Nguyên nhân là do việc tập huấn chuyên môn luật đối với Hội thẩm nhân dân còn rất ít, chưa kịp thời, thiếu cung cấp văn bản pháp luật đầy đủ để phục vụ cho công tác xét xử. Chế định về Hội thẩm nhân dân hiện còn nhiều điểm chưa phù hợp, chưa hoàn thiện. Chưa có quy định cụ thể về trình độ, năng lực để lựa chọn Hội thẩm nhân dân, mà pháp luật mới chỉ dừng lại những quy định chung chủ yếu về phẩm chất đạo đức. Mặt khác, chế độ đãi ngộ, chế độ trách nhiệm đối với Hội thẩm vẫn còn quá thấp.

2.2 Thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

2.2.1 Thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự hiện hành

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 tương đối đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, giúp cho việc áp dụng được chính xác. Thực tiễn trong công tác xét xử cho thấy về cơ bản việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của Tòa án đối với người kết án là đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước, nâng cao chất lượng xét xử. Tuy nhiên, cũng còn không ít trường hợp Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân không hiểu hết ý nghĩa và nội dung quy định của các tình tiết giảm nhẹ TNHS nên chưa đánh giá đầy đủ nội dung, điều kiện, căn cứ để áp dụng chính xác, đúng pháp luật đối với từng tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc ngược lại, có khi vì những động cơ khác nhau nên đã xác định và áp dụng không đúng dẫn đến việc quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện. Để hình dung rõ thực tiễn áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS qua việc Tòa án quyết định hình phạt đối với các bị cáo thông qua các số liệu sau đây:

Bảng 2.2: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2011 - 2015

Số bị cáo bị xét xử	Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng								
	điểm a	điểm b	điểm c	điểm d	điểm đ	điểm e	điểm g	điểm h	điểm i
526	0 chiếm tỷ lệ 0%	165 chiếm tỷ lệ 31,36 %	1 chiếm tỷ lệ 0,19%	0 chiếm tỷ lệ 0%	15 chiếm tỷ lệ 2,85%	0 chiếm tỷ lệ 0%	83 chiếm tỷ lệ 15,78 %	92 chiếm tỷ lệ 17,49%	0 chiếm tỷ lệ 0%

Số bị cáo bị xét xử	Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng								
	điểm k	điểm l	điểm m	điểm n	điểm o	điểm p	điểm q	điểm r	điểm s
526	0 chiếm tỷ lệ 0%	2 chiếm tỷ lệ 0,38%	0 chiếm tỷ lệ 0%	3 chiếm tỷ lệ 0,57%	19 chiếm tỷ lệ 3,61 %	513 chiếm tỷ lệ 97,53%	0 chiếm tỷ lệ 0%	1 chiếm tỷ lệ 0,19 %	2 chiếm tỷ lệ 0,38%

[Nguồn: 150 bản án của TAND thành phố Hà Nội]

Khảo sát việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 qua hoạt động xét xử của TAND thành phố Hà Nội trong 150 bản án được lấy ngẫu nhiên, nhận thấy hầu như không có bản án nào là không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS để quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo” được áp dụng phổ biến và hầu hết trong các bản án, chiếm tỷ lệ lên tới 97,53%, chỉ có những trường hợp người phạm tội không nhận tội thì mới không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” cũng được các áp dụng đối với nhiều bị cáo, chiếm tỷ lệ 31,36%. Ngoài ra, tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” và tình tiết “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng được nhiều HĐXX áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn lại được áp dụng rất ít hoặc không được áp dụng do pháp luật quy định nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ này một cách chặt chẽ và điều kiện để được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đó cũng rất chặt chẽ.

Qua khảo sát việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của TAND thành phố Hà Nội nói riêng và trên cả nước nói chung cho thấy công tác xét xử đã có những tiến bộ rõ rệt, chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao. Các HĐXX đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, thận trọng khi áp dụng pháp luật hình sự. Các Tòa án cũng đã cân nhắc thận trọng khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy giữa các HĐXX vận dụng chưa thống nhất một số tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 như sau:

Về tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, khảo sát thực tiễn xét xử nhận thấy Tòa án cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này tương đối nhiều và đa số là chính xác. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này trong thực tế còn chưa chính xác và không thống nhất như sau: Tài sản do cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại nhưng Tòa án vẫn áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo bồi thường nhưng lại áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc bị cáo chưa thành niên được gia đình bồi thường thay nhưng Tòa án chỉ áp dụng khoản 2 Điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa bị cáo khai đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả nhưng trong hồ sơ không có tài liệu gì thể hiện, HĐXX vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trên cho bị cáo... Ví dụ: Bản án số 303/2013/HSST ngày 12/8/2013 của TAND thành phố Hà Nội xét xử bị cáo Đỗ Tuấn Sơn về tội “Giết người”, HĐXX nhận định gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền phải bồi thường cho gia đình người bị hại để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa đúng, vì bị cáo đã đủ 18 tuổi, không có tác động tới gia đình về việc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo nên chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Bên cạnh đó vẫn có việc nhận thức không thống nhất về tình tiết giảm nhẹ TNHS này, có Tòa án xác định điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS có 3 tình tiết giảm nhẹ nhưng có Tòa án lại chỉ xác định là 1 tình tiết giảm

nhẹ. Khi người phạm tội vừa tự nguyện sửa chữa, vừa tự nguyện bồi thường, vừa tự nguyện khắc phục hậu quả thì họ có được hưởng cả ba tình tiết giảm nhẹ nếu hành vi của họ xâm phạm trực tiếp đến một khách thể được quy định trong một điều luật cụ thể hay không? Tình tiết này chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng nên trong trường hợp bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ là “tự nguyện sửa chữa” và “tự nguyện khắc phục hậu quả” và không có tình tiết tăng nặng thì đa số các Thẩm phán không dám áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 khi quyết định hình phạt vì cho rằng hai tình tiết đó chỉ được quy định trong một điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS nên chưa đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 BLHS.

Về tình tiết “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền để xác định: thiệt hại như thế nào được coi là không lớn, nếu thiệt hại về sức khỏe thì bao nhiêu phần trăm được coi là không lớn? hoặc nếu thiệt hại về tài sản thì quy thành tiền số lượng cụ thể bao nhiêu được coi là thiệt hại không lớn?... mà tùy thuộc vào sự xem xét đánh giá của HĐXX, tùy thuộc từng tội cụ thể.

Về tình tiết “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, do có những cách hiểu khác nhau về “phạm tội lần đầu” và “trường hợp ít nghiêm trọng” nên có sự áp dụng không thống nhất giữa các Thẩm phán, có Thẩm phán chỉ xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS “phạm tội lần đầu” mà không xác định đến về thứ hai “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Có Tòa án xét xử bị cáo phạm tội không phải là lần đầu mà chỉ thuộc trường hợp lần đầu bị “đưa ra xét xử” nhưng cũng áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”, thực tiễn áp dụng tình tiết này không nhiều và đa số là đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn có những Thẩm phán nhận thức sai về tình tiết giảm nhẹ này nên thường nhầm lẫn với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Cũng có khi nhầm lẫn với trường hợp người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp thiệt hại đã xảy ra còn ngăn chặn, làm

giảm bớt tác hại của tội phạm là làm cho thiệt hại không xảy ra, hoặc có xảy ra thì cũng được hạn chế một phần.

Về tình tiết “ Phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Từ những số liệu trên cho thấy, rất ít khi tình tiết này được áp dụng vì BLHS quy định hai trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đó là giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 BLHS năm 1999) và cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 BLHS năm 1999) được coi là cấu thành giảm nhẹ đặc biệt nên thực tiễn xét xử ngoài hai trường hợp đã được quy định tại Điều 96 và Điều 106, thì không có trường hợp phạm tội nào thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nữa.

Tuy nhiên, việc quy định phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là một tình tiết giảm nhẹ vẫn rất cần thiết, vì thực tiễn xét xử có một số trường hợp giết người hoặc cố ý gây thương tích thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 96 hoặc 106 BLHS năm 1999 mà thuộc trường hợp giết người quy định tại khoản 2 Điều 93 BLHS năm 1999 hoặc cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999, thì người phạm tội vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Về tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết”, khảo sát thực tiễn xét xử, các Tòa án rất ít áp dụng tình tiết giảm nhẹ này do nội dung và điều kiện để áp dụng tình tiết này trong thực tiễn khó phân biệt và thường hay nhầm lẫn với trường hợp “sự kiện bất ngờ” – gây thiệt hại không có lỗi và có thể được loại trừ TNHS.

Về tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình gây ra”: Các Tòa án áp dụng tình tiết này không nhiều và áp dụng không chính xác, hầu như các HĐXX chỉ căn cứ vào hoàn cảnh khó khăn của các bị cáo lúc phạm tội hoặc lúc xét xử mà không xác định hoàn cảnh khó khăn đó có phải do bị cáo gây ra hay không và có phải nguyên nhân chính là vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà bị cáo phạm tội hay không.

Về tình tiết “Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức”, trong thực tiễn khi áp dụng tình tiết này thường vướng mắc ở chỗ khó xác định mức độ bị cưỡng bức và đe dọa, thường mắc sai lầm khi không xét đến thái độ tâm lý của người bị đe dọa hoặc cưỡng bức có phải vì bị đe dọa hoặc bị cưỡng bức mà phải phạm tội hay không?

Tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” thường chỉ áp dụng đối với bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa, có nhiều hủ tục lạc hậu, không biết chữ. Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết này, do nhận thức chủ quan của Thẩm phán chỉ chú ý đến tình trạng lạc hậu chung về dân trí của địa phương mà không căn cứ vào tình trạng lạc hậu cụ thể của người phạm tội.

Về tình tiết “Người phạm tội tự thú”, thực tiễn xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này tương đối nhiều. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HĐXX có sự nhầm lẫn giữa người phạm tội tự thú và đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 dẫn đến việc áp dụng pháp luật khác nhau.

Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được các Tòa án áp dụng rất nhiều so với các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác, đa số các bản án đều áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, tình tiết này chỉ không được áp dụng khi bị cáo không nhận tội và các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để xác định bị cáo đã phạm tội. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này nhìn chung là chính xác nhưng vẫn có trường hợp do Thẩm phán khi áp dụng có cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng tình tiết này khác nhau, có Thẩm phán cho rằng khi bị cáo vừa thành khẩn khai báo, vừa ăn năn hối cải thì sẽ được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng có Thẩm phán chỉ xác định khi đó người phạm tội chỉ được áp dụng 1 tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết như “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm”; “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất học tập, lao động hoặc chiến đấu”; “Người phạm tội là người già”... rất ít khi được áp dụng. Tình tiết “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” cũng được

áp dụng trong một số vụ án, tuy nhiên, số lượng người phạm tội được áp dụng chủ yếu là người không bị tạm giam nên mới có điều kiện lập công chuộc tội.

2.2.2 Thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự hiện hành

Các tình tiết giảm nhẹ do Tòa án quyết định được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và đã được hướng dẫn tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm năm 1999”, Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 và Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/2/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao. Để tránh áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS này một cách tràn lan, luật quy định Tòa án phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

Bảng 2.3: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2011 - 2015

Năm	Số bị cáo bị xét xử	Số bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS	Tỷ lệ %
2011	65	19	29,2%
2012	83	28	33,7 %
2013	92	31	33,7%
2014	75	24	32 %
2015	112	46	41,1%
Tổng	427	148	34,6%

[Nguồn: 150 bản án của TAND thành phố Hà Nội]

Qua khảo sát thực tiễn xét xử cho thấy, các Thẩm phán ngày càng quan tâm đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Trong số các vụ án được xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội thì số bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS có tỉ lệ

tương đối cao, cao nhất là năm 2015. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng đã chú trọng hơn việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS; bị cáo, gia đình bị cáo cũng đã ý thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các tình tiết giảm nhẹ nên đã tích cực cung cấp cho Tòa án những tài liệu, giấy tờ chứng minh để người phạm tội được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Đối với Tòa án, khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS, phần lớn các HĐXX đã xem xét thận trọng, đánh giá toàn diện, khách quan khi xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Tuy nhiên, qua khảo sát các bản án cho thấy, thực tiễn có những cách hiểu khác nhau đối với quy định này dẫn đến việc vận dụng không nhất quán, thiếu chặt chẽ, thậm chí có thể dẫn đến tùy tiện, một số Tòa án còn vận dụng sai khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 khi quyết định hình phạt. Cụ thể:

Khi đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi, có trường hợp Tòa án đã đánh giá vận dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ như người phạm tội xin lỗi người bị hại, người phạm tội hứa sẽ bồi thường cho người bị hại... để cho người phạm tội được áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

VD: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2015/HSST ngày 15/02/2015 của TAND thành phố Hà Nội đã áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 46 BLHS vì theo như nhận định của HĐXX thì bị cáo đã hứa sẽ bồi thường cho người bị hại.

Trên thực tế, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau đối với quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán, cụ thể như sau:

Đối với tình tiết quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 có nội dung: “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy

thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước”.

Khi xét xử, có HĐXX đã mở rộng “chủ thể” được tặng danh hiệu cao quý có quan hệ với người phạm tội ngoài vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột với người phạm tội là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ruột kêu người phạm tội là ông, bà nội, ngoại vì cho rằng, tình tiết thứ nhất tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 quy định chủ thể được tặng danh hiệu cao quý là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thứ hai của người phạm tội cho nên việc mở rộng phạm vi chủ thể như thế này vẫn thuộc hàng thừa kế thứ hai của người phạm tội.

Quy định mở “...hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước”, dẫn đến việc có HĐXX đã chấp nhận tình tiết bị cáo được công nhận lao động tiên tiến, có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước... là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Đối với tình tiết “Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo” quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000. Thực tế, có HĐXX đã mở rộng phạm vi chủ thể sửa chữa, bồi thường thay cho bị cáo như bạn bè, đồng nghiệp, cấp trên của bị cáo sửa chữa bồi thường thay cho bị cáo thì HĐXX cũng áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 46 BLHS vì cho rằng việc mở rộng chủ thể bồi thường trong trường hợp này có thể nhanh chóng khắc phục, hạn chế hậu quả mà hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

VD: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2014/HSST ngày 27/5/2014 của TAND thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo vì Công ty của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại.

Tình tiết quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 “Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên”. Một số HĐXX đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS chỉ vì bị cáo có tỷ lệ thương tật trên 31% mà không cần xác định nguyên nhân của việc bị tai nạn với lập luận: quy định này chỉ giới hạn bị cáo bị tàn tật do tai nạn lao động, trong công tác mà không quy định thêm các trường hợp tàn tật do

nguyên nhân khác (tại nạn giao thông, do tai bão lụt, hỏa hoạn...) là chưa phù hợp, tạo ra sự bất bình đẳng giữa những người bị tàn tật với nhau, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo bị tàn tật không phải là dấu hiệu để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mà mấu chốt vấn đề là khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người tàn tật.

Ngoài ra, khi khảo sát các bản án của TAND thành phố Hà Nội thì nhìn chung, có nhiều HĐXX đều có thực trạng sau đây khi giải quyết vụ án:

Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 BLHS khi người phạm tội chỉ đáp ứng 01 nội dung đối với những tình tiết giảm nhẹ được liệt kê tại khoản 1 Điều 46 BLHS có 02 nội dung. Chẳng hạn, đối với tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS, thực tiễn có nơi, khi người phạm tội chỉ có tình tiết “phạm tội lần đầu” hoặc tình tiết “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” thì có Tòa án đã mặc nhiên áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS cho người phạm tội; đối với tình tiết, “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng người phạm tội không có trách nhiệm bồi thường nhưng đã tự nguyện bồi thường thì có Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho người phạm tội.

Có HĐXX đã xác định các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ dựa vào hướng dẫn ở cuối điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 mà không có sự đánh giá cụ thể như tình tiết đã thu hồi được tài sản do phạm tội mà có; người phạm tội có công việc ổn định và được bảo lãnh; phạm tội vì phụ thuộc vào người khác, nể nang không có tính chất vụ lợi; người phạm tội có tuổi đời còn trẻ; phạm tội do bị lôi kéo, rủ rê; phạm tội do quá tự tin vào người khác; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ văn hóa thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế; phạm tội do bộc phát, nhất thời; người phạm tội vận động đồng bọn tự thú; bị cáo là người có nhiều năm tham gia lực lượng vũ trang hoặc chiến đấu ở các chiến trường hoặc công tác ở vùng khí hậu độc hại hoặc hành nghề độc hại làm giảm tuổi thọ; bị cáo bị mắc bệnh tâm thần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mới tạm điều trị ổn định; bị cáo đang ốm nặng, bệnh nặng hoặc sức khỏe quá yếu; bị cáo đang mắc

bệnh nặng, nan y; bị cáo là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu bị phạt tù nhiều năm sẽ làm cho gia đình đặc biệt khó khăn...

Trong những năm qua, thực tiễn cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS chưa thống nhất và có nhiều ý kiến khác nhau giữa Tòa án và Viện kiểm sát do nhận thức của những cơ quan và người tiến hành tố tụng chưa thống nhất, dẫn đến ngoài những tình tiết quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999”, rất ít khi Tòa án áp dụng thống nhất các tình tiết khác.

Hơn nữa, khi điều tra vụ án hình sự, các cơ quan điều tra chưa chú trọng thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 BLHS, đến giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát cũng chưa chủ động xác minh hoặc yêu cầu cơ quan điều tra bổ sung làm rõ các tình tiết giảm nhẹ này. Hồ sơ vụ án chưa có tài liệu chứng minh tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không thu thập; khi thụ lý vụ án chuẩn bị xét xử, Tòa án không có thẩm quyền tự đi thu thập tài liệu chứng cứ về tình tiết giảm nhẹ TNHS, bị cáo và người thân của bị cáo không hiểu biết pháp luật để chủ động cung cấp chứng cứ cho Tòa án trước và trong khi xét xử. Vì vậy, HĐXX không thể có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS hoặc có trường hợp lấy lý do không có điều kiện thẩm tra, xác minh nên HĐXX đã cứng nhắc không chấp nhận tài liệu liên quan đến tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS do người thân của bị cáo xuất trình tại phiên tòa. Việc này dẫn đến thiệt thòi cho bị cáo, không đảm bảo sự công bằng của pháp luật.

2.2.3 Đánh giá thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

2.2.3.1 Mặt tích cực

Qua phân tích thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cụ thể tại TAND thành phố Hà Nội, ta có thể thấy rằng HĐXX vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS

quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 tương đối chính xác, đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước, nâng cao chất lượng xét xử. Những bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 là quy định mở, được HĐXX xem xét giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt. Nhìn chung việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được các Tòa áp dụng đúng, các cơ quan, người tiến hành tố tụng đã nâng cao tinh thần trách nhiệm nên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 thời gian qua đã đạt được hiệu quả nhất định, việc cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với bị cáo được chính xác hơn, bảo đảm tính công bằng của pháp luật, góp phần thực hiện đúng chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Một số trường hợp, HĐXX có thể áp dụng có lợi cho người phạm tội. Việc phân tích cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo loại này đã khơi dậy lòng tự hào, ý thức trách nhiệm của bị cáo đối với truyền thống gia đình, công lao của bố mẹ và những người thân, từ đó bị cáo tự ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình, tự giác khai báo, tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS khích lệ các bị cáo thành khẩn khai báo, lập công chuộc tội... có ích trong việc phòng, chống tội phạm.

Việc cho phép Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong từng vụ án đối với từng bị cáo cụ thể nhằm mở rộng tính linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm cho hoạt động xét xử được công bằng, chính xác, khách quan. Nó giúp Tòa án tính toán được sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với chế tài hình sự.

2.2.3.2 Hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

Thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS không có căn cứ, không đảm bảo điều kiện luật định. Việc áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 là quy định mở nên việc vận dụng hết sức tùy nghi, giao quyền quyết định cho Tòa án và HĐXX nên không thể tránh khỏi việc lợi dụng quy định này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một cách không có

căn cứ, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. HĐXX áp dụng thiếu chính xác, không có căn cứ về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tạo ra sự không công bằng cho những người phạm tội (vi phạm nguyên tắc cá thể hóa TNHS) mà còn ảnh hưởng đến uy tín của ngành trong nhiệm vụ phòng chống tội phạm. Cùng một số vận dụng tùy nghi của HĐXX dẫn đến việc xem xét căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm tội khác nhau, còn tùy thuộc quan điểm chủ quan của HĐXX. Xem xét mức độ ảnh hưởng (giá trị pháp lý) giữa các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 hoặc giữa khoản 1 với khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 chưa có một cơ sở xác định định lượng mức độ giảm nhẹ hình phạt.

Một số bản án áp dụng không đúng về nội dung theo quy định của pháp luật. Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội trong khi các tình tiết thực tế của vụ án cho thấy có đủ cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS. Không có nhận định về tình tiết giảm nhẹ trong bản án nhưng áp dụng tại phần quyết định hoặc có nhận định nhưng không áp dụng khi tuyên quyết định về hình phạt.

Còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn do chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, chi tiết dẫn đến nhiều cách hiểu và cách vận dụng khác nhau, như:

Vẫn còn có những thẩm phán không phân biệt được tình tiết giảm nhẹ này với tình tiết giảm nhẹ khác, như: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” với “người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” hoặc “người phạm tội lập công chuộc tội” với “người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền điều tra tội phạm”...

Gia đình bị cáo bồi thường bằng tài sản chung của gia đình trong đó có phần của bị cáo thì áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 hay khoản 2 Điều 46 BLHS, việc xác định bị cáo có tích cực vận động gia đình bồi thường thay cho mình hay không là điều không dễ dàng và nếu có thì chỉ mang nặng tính hình thức, đối với bị cáo không bị tạm giam thì còn có điều kiện để tác động gia đình, bị cáo bị tạm giam không có điều kiện tiếp xúc với gia đình thì việc tác động là rất khó khăn, thậm chí là không được.

Quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS cũng có hai quan điểm: Quan điểm thứ nhất cho rằng người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là một tình tiết giảm nhẹ. Quan điểm thứ hai cho rằng người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là ba tình tiết giảm nhẹ. Trên cơ sở xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo, mục đích của hình phạt thì quan điểm thứ hai được áp dụng trên thực tế nhiều vì thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước, thể hiện rõ nét kết hợp “trừng trị và giáo dục”. Hạn chế của tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS là trường hợp người phạm tội vô gia cư hoặc không có người thân, không có tài sản thì họ không thực hiện được việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả dù họ rất muốn.

Nhận định cho hưởng tình tiết “gây thiệt hại không lớn” đối với một số tội danh về khách thể xâm phạm là an ninh, trật tự, an toàn xã hội... chưa có hướng dẫn làm cho HĐXX khó khăn khi quyết định vận dụng hay không vận dụng tình tiết này. Do đó, cần có văn bản hướng dẫn quy định cụ thể để có căn cứ áp dụng.

Có quan điểm cho rằng kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định mang tính tạm thời vì qua siêu âm và chuẩn đoán chủ quan của bác sỹ (thường bác sỹ hay hỏi ngày mất kinh nguyệt tháng gần nhất và lấy ngày đó làm mốc tính độ tuổi của thai) dẫn đến có sự chênh lệch thêm ngày xác định độ tuổi của thai nhi để làm cơ sở xem xét trường hợp người phạm tội có thai.

Có quan điểm cho rằng người phạm tội bị bắt quả tang thì họ không thể chối tội được nên phải khai đúng. Bên cạnh những lời khai của người phạm tội thì còn lời khai của những người làm chứng, người bị hại nên việc người phạm tội khai không đúng hay không thì không ảnh hưởng đến vụ án. Nếu cứ xem xét chủ quan, không cân nhắc thì dễ dẫn đến sự lạm dụng và không thể hiện được ý nghĩa về tình tiết giảm nhẹ này trong chính sách khoan hồng, nhân đạo.

Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trên là do:

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được chú trọng nên khi áp dụng cho từng trường hợp cụ thể những người tiến hành

tổ tụng lúng túng trong nhận thức về nội dung của các tình tiết cũng như vận dụng cho đúng quy định, trong cách giải thích cho người phạm tội hoặc gia đình người phạm tội để yêu cầu họ cung cấp chứng cứ chứng minh nhằm đảm bảo quyền lợi cho họ đã dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất và có trường hợp sai làm ảnh hưởng đến quyết định mức hình phạt không chính xác, không bảo đảm tính công bằng cho những người phạm tội phạm tội giống nhau và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS giống nhau. Chưa hoàn thiện ở đây thể hiện thiếu, chưa đầy đủ quy định trong bộ luật và chưa có văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật trong các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Thông tư liên ngành... về các khái niệm và áp dụng rạch ròi giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, giá trị pháp lý và ảnh hưởng của nó là một căn cứ quyết định hình phạt. Các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của các cơ quan Tư pháp Trung ương ban hành vẫn chưa kịp thời.

- Chưa có chuyên đề về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và áp dụng đúng khi quyết định mức hình phạt.

- Việc tập huấn bồi dưỡng cán bộ không thường xuyên, chất lượng còn hạn chế, thời gian tập huấn ngắn đối với số lượng người đông, còn thời gian tập huấn dài ngày thì số lượng người được tập huấn ít. Thời gian tập huấn ngắn làm cho báo cáo viên không truyền đạt được cặn kẽ, không mở xẻ vấn đề ở nhiều góc cạnh khác nhau, không đủ thời gian trả lời hết thắc mắc của học viên, bản thân học viên chưa đủ thời gian nhận thức sâu. Nội dung tập huấn chuyên môn hay bồi dưỡng nghiệp vụ thường thiên về tội phạm học hoặc tố tụng, ít khi tập huấn về hình sự, hiếm khi có nội dung chính về các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà được sơ lược qua ở phân tích điều kiện cho hưởng án treo. Kinh phí giành cho công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng rất hạn chế so với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nên cũng xem đây là hạn chế cần quan tâm và có giải pháp.

- Trình độ chuyên môn chưa được tăng cường, ý thức pháp luật và trách nhiệm chưa được nâng cao đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Do tình trạng thiếu số lượng lớn Thẩm phán, chưa tính những Thẩm phán gần đến tuổi nghỉ hưu

những năm tiếp theo dẫn đến số lượng Thẩm phán thiếu hụt năm nào cũng có. Do đó, để đáp ứng số lượng Thẩm phán đang thiếu nhằm phục vụ cho nhu cầu giải quyết số lượng án ngày càng tăng nên chất lượng thật sự của một số Thẩm phán mới bổ nhiệm chưa đạt chuẩn đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng án được giải quyết, mặc dù đã thực hiện đúng quy trình tuyển chọn.

- Đối với lực lượng Hội thẩm nhân dân là người xét xử không chuyên nghiệp, cùng với Thẩm phán đại diện cho quyền lực Nhà nước, thực hiện quyền xét xử của Nhà nước trao. Phần lớn Hội thẩm nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có trình độ chuyên môn được đào tạo ở bậc đại học. Do các Hội thẩm nhân dân xét xử không chuyên nên trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, trách nhiệm của họ đối với phán quyết qua từng bản án, quyết định chưa được chú trọng vì không có chế tài. Việc tập huấn chuyên môn luật đối với Hội thẩm nhân dân còn rất ít, chưa kịp thời, thiếu cung cấp văn bản pháp luật đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu công tác xét xử. Bên cạnh đó cũng có rất nhiều Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử rất tích cực, tâm huyết, có kiến thức pháp luật, có kinh nghiệm xét xử, kinh nghiệm sống.

- Về tổ chức bộ máy thì khối lượng công việc của Tòa án các cấp nhiều hơn khối lượng của ngành Kiểm sát nhưng số lượng thẩm phán của ngành Tòa án chỉ bằng khoảng 80% số lượng Kiểm sát viên của ngành Kiểm sát. Do công việc thì nhiều và phức tạp, trách nhiệm thì nặng nề và to lớn nhưng số lượng biên chế ít nên nhiều đơn vị để án tồn đọng.

- Tiền lương, chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với trách nhiệm được giao với Thẩm phán; chế độ, tiêu chuẩn của Nhà nước đối với Hội thẩm nhân dân cũng chưa được bảo đảm. Do đó, dễ dẫn đến một số lượng không nhỏ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thiếu nhiệt huyết, làm qua loa, không có trách nhiệm nên chất lượng vụ án được giải quyết không cao.

- Chưa có bản án nào qua giám đốc kiểm tra án của TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bị kháng nghị kịp thời về việc vận dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc không có trường hợp nhắc nhở trong giao ban hàng

tháng của các TAND quận, huyện với TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về sai phạm này.

Kết luận chương 2

Qua thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ năm 2011 – 2015 tại TAND thành phố Hà Nội nhìn chung là đúng quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn nên hình phạt cho từng người phạm tội tungs xứng với các căn cứ quyết định hình phạt. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều hạn chế khi vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với từng người phạm tội như áp dụng không đúng về nội dung quy định của pháp luật, không áp dụng hoặc áp dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS dẫn đến Tòa án kết án quá nặng hoặc quá nhẹ cho người phạm tội. Đồng thời, qua phân tích ngẫu nhiên 150 bản án cùng phân tích cơ sở lý lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 thì cũng đã tìm ra được một số nguyên nhân dẫn đến hạn chế khi vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS để làm cơ sở đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử tại chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ

3.1 Mục đích, yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

3.1.1 Mục đích áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Khi xét xử các vụ án hình sự, ngoài việc quyết định tội danh và khung hình phạt, một trong những phần việc quan trọng và thường xuyên nhất đối với các thành viên HĐXX là cân nhắc mức hình phạt cho các bị cáo. Theo đó, việc quyết định mức hình phạt đối với bị cáo phải đảm bảo các quy định chung và quy định riêng biệt tại các điều luật trong BLHS. Điều 45 BLHS qui định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự”*. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trong thời gian qua cho thấy, việc quyết định hình phạt của HĐXX Tòa án các cấp đã bám sát các quy định của pháp luật, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu răn đe, giáo dục người vi phạm pháp luật, phục vụ tốt công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm tại địa phương.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng chúng là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, chúng cũng góp phần thực hiện mục đích của hình phạt “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội”.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS giữ vai trò là một trong những căn cứ chủ yếu khi quyết định hình phạt, bảo đảm cho hoạt động xét xử của Tòa án được chính xác, khách quan, công bằng, hợp lý. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng là căn cứ để

giảm hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt đã được xác định. Giá trị giảm nhẹ còn là căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trên tinh thần nhân đạo.

Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt có vai trò tác động tích cực tới người phạm tội trong việc giáo dục người phạm tội, hạn chế hậu quả, tác hại của tội phạm, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm.

3.1.2 Yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Để áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS phải đạt được các yêu cầu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, các chủ thể áp dụng pháp luật phải có nhận thức đúng về các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999.

Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức trao quyền, nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể.

Chủ thể áp dụng pháp luật có vị trí, vai trò rất quan trọng. Để đảm bảo áp dụng pháp luật một cách đúng đắn thì các chủ thể áp dụng pháp luật phải có nhận thức đúng về các quy định của luật nói chung, các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng.

Quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 tương đối đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, giúp cho việc áp dụng được chính xác. Thực tiễn trong công tác xét xử cho thấy về cơ bản việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của Tòa án đối với người kết án là đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót, vướng mắc trong việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC là quy định mở nên cần các chủ thể áp dụng có nhận thức thức đúng.

Do vậy, các chủ thể áp dụng pháp luật phải có nhận thức đúng về các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS.

Thứ hai, yêu cầu bảo vệ quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Hiến pháp năm 2013 là Hiến pháp vì các quyền và tự do cơ bản của con người với mục tiêu quan trọng nhất là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm chủ quyền Nhân dân, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước phát triển mới mạnh mẽ trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong một loạt vấn đề cơ bản của thời đại và sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó có vấn đề quyền con người. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: “*Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết*”. Khẳng định mạnh mẽ bản chất nhà nước ta là nhà nước thực hiện chủ quyền nhân dân, thực hành dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và bảo đảm quyền lực của Nhân dân, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...*”. Do vậy, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp.

Thứ ba, yêu cầu thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện của Đảng và Nhà nước ta. Từ lâu, trong chính sách hình sự của nước ta vẫn tồn tại quan điểm coi trừng trị là mục đích đầu tiên, cao nhất của hình phạt, từ đó dẫn đến khốc liệt hóa hệ thống hình phạt cũng như áp dụng hình phạt trên thực tế. Tuy nhiên, những năm gần đây, chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý người phạm tội đã được đề cao, thể hiện trên nhiều khía cạnh. Nghiên cứu sửa đổi

BLHS lần này, Bộ Tư pháp đề xuất tăng cường tính hướng thiện, giáo dục con người lầm lỗi trở thành người có ích cho xã hội.

Bộ Tư pháp cho rằng, tính nhân đạo trong chính sách hình sự được thể hiện trước hết ở việc giảm nhẹ các hình phạt có tính hà khắc đối với người phạm tội, giảm bớt hình phạt tù đối với người phạm tội. Theo đó, muốn giảm khả năng áp dụng các hình phạt tù thì cần nghiên cứu điều chỉnh theo hướng tăng khả năng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, thực hiện chính sách hình sự nhân đạo và hướng thiện của Đảng và Nhà nước ta.

Thứ tư, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm (1998 - 2010) của Ban Chỉ đạo 138/CP, 5 năm thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới (2010 - 2014), công tác phòng, chống tội phạm ở nước ta đã thu được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực giữ gìn trật tự, kỷ cương pháp luật, phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta vẫn diễn biến phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt cho xã hội. Nhiều loại tội phạm nghiêm trọng chưa được kiểm chế. Tội phạm có tổ chức, băng nhóm tội phạm mang tính chất “xã hội đen”, tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm về ma túy hoạt động công khai, lộng hành ở nhiều thành phố lớn, trên các tuyến biên giới, trắng trợn xâm phạm quyền, lợi ích của Nhà nước, xã hội và nhân dân. Tham nhũng và tội phạm tham nhũng vẫn hết sức nhức nhối, trở thành một trong những mối đe dọa trực tiếp sự tồn vong của chế độ. Tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra trong nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế của đất nước, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của người dân và sức khỏe cộng đồng. Tội phạm có tính quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm sử dụng công nghệ cao đang là một thách thức lớn. Cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội gặp không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải phát huy cao độ hơn nữa sức mạnh tổng hợp của

toàn xã hội. Vì vậy, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

3.2 Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tiễn xét xử

Từ những đánh giá chung về thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình giải quyết vụ án và chỉ ra được những nguyên nhân của những bất cập trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình giải quyết vụ án thì tôi đưa ra những Giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử sau đây:

3.2.1 Nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị nêu rõ: Khi xét xử phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự là dân chủ, khách quan; việc phán quyết của Tòa án phải có sức thuyết phục. Thực hiện đường lối cải cách tư pháp của Đảng, các cơ quan tư pháp hình sự đã và đang tiến hành đồng loạt nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Mục tiêu nổi bật và có tính thường xuyên phải kể đến là mỗi bản án, quyết định của Tòa án phải đảm bảo khách quan, công bằng và dân chủ. Muốn vậy, việc làm đầu tiên có ý nghĩa quyết định để thực hiện được nguyên tắc công bằng, dân chủ là phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự.

Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tương đối đầy đủ, rõ ràng giúp cho việc áp dụng khi quyết định hình phạt được chính xác hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn còn có những tình tiết gây ra nhiều cách hiểu khác nhau nên cần có văn bản hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật hoặc cần có những tình tiết trong thực tiễn áp dụng có giá trị giảm nhẹ cần phải bổ sung vào điều luật. Có như vậy thì quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Luật hình sự mới ngày càng hoàn thiện, bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, vừa đảm

bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa vừa thể hiện được tính nhân đạo mà pháp luật hình sự Việt Nam đang hướng tới.

3.2.2 Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Cơ quan tư pháp Trung ương cần xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn một cách đầy đủ, rõ ràng, khoa học khái niệm chung về tình tiết giảm nhẹ TNHS và cấu thành cụ thể của từng tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm thu thập chứng cứ chứng minh các tình tiết giảm nhẹ TNHS, khái quát chung những điều kiện cần và đủ cho việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trong việc áp dụng hoặc thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cũng như đường lối xét xử.

Tòa án Tối cao cần kịp thời ban hành Nghị quyết hướng dẫn mới của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hoặc sửa đổi đối với những điểm hướng dẫn trước đây mà đến nay không còn phù hợp, bổ sung hướng dẫn những điểm chưa được hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa cụ thể, đặc biệt là phân biệt những tình tiết giảm nhẹ cùng tính chất và mức độ giảm nhẹ của từng loại tình tiết để đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Cần kịp thời hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Gắn với việc xây dựng là hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật với công tác thi hành pháp luật. Vì việc nghiên cứu soạn thảo hầu hết văn bản còn chậm, không bảo đảm tiến độ, thời hạn trình, ban hành nên không được ban hành kịp thời để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật; cho nên, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến công tác triển khai thi hành luật, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân.

Hiện nay, tình hình kinh tế - xã hội và tình hình tội phạm đã có nhiều thay đổi, xu hướng áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định mở tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 có chiều hướng mở rộng, đã và đang phát sinh nhiều vướng mắc dẫn đến nhận thức không thống nhất, nhu cầu hướng dẫn ngày càng tăng. Để đảm bảo hiệu quả của việc áp dụng pháp luật, chúng ta cần kịp thời ban hành những văn

bản hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

3.2.3 Tăng cường tổng kết thực tiễn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn xét xử. Thường xuyên tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác ngành trong đó có nội dung thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Đây là một biện pháp để kịp thời kiểm nghiệm các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS xem có phù hợp với thực tiễn xét xử hay không, kịp thời giải quyết những vướng mắc và uốn nắn các sai sót cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp dưới. Kiểm tra việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 trong kết quả xét xử các vụ án hình sự để có sự đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời những sai sót, vi phạm trong việc áp dụng. Cần có sự tổng hợp, đánh giá và kết luận những tình tiết nào áp dụng đúng để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

Làm tốt công tác kiểm tra giám đốc các bản án của Tòa án các cấp để tìm ra những sai phạm nói chung và sai phạm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt nói riêng để xử lý sai phạm, bảo đảm cho việc áp dụng đúng các quy định của pháp luật, chống án oan sai, chống bỏ lọt người, lọt tội. Điều này nói lên trách nhiệm của Thẩm tra viên, chuyên viên pháp luật phải “có tâm”, “có tầm” nghiên cứu, đề xuất đúng quy định của pháp luật cho Chánh án ký ban hành quyết định kháng nghị; đồng thời những người này cũng nghiên cứu, đề xuất xem kháng nghị của Viện trưởng VKS có cơ sở chấp nhận hay không khi Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm mở phiên họp. Tăng cường trách nhiệm của Kiểm sát viên, phát hiện vi phạm tố tụng của Tòa án mà đề xuất Viện trưởng VKS cùng cấp kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Thông qua đơn, thư của dân như kháng cáo phúc thẩm, khiếu nại về tố tụng, tố cáo cán bộ, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời sai sót của người tiến hành tố tụng để người dân tin tưởng khi đến Tòa án.

3.2.4 Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ những người tiến hành tố tụng

Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng nền Tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại hóa, từng bước hiện đại hóa, phục vụ nhân dân, phụng sự đất nước. Một trong những nhân tố quyết định cho việc thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp là từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Vì vậy, phải hết sức quan tâm đến việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cơ quan tư pháp, đặc biệt là các Thẩm phán một cách toàn diện để đảm bảo có đội ngũ cán bộ “có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có kiến thức pháp luật cần và đủ, kinh nghiệm hoạt động xã hội, có tinh thần trách nhiệm vì dân”, mỗi cán bộ công chức của ngành Tòa án phải thực sự là người “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” như chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Việc áp dụng các quy định của pháp luật nói chung và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng đòi hỏi những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, đặc biệt là thẩm phán Tòa án các cấp phải nghiên cứu chính xác, đầy đủ nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS; đồng thời phải có năng lực thực tiễn áp dụng vào từng vụ án cụ thể. Để có một đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt và cái “tâm” trong sáng khi thực hiện nhiệm vụ, có bản lĩnh vững vàng đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới thì cần phải xử lý nghiêm khắc, công khai, triệt để những cán bộ có những biểu hiện, hành vi sá sút về phẩm chất đạo đức, cố tình làm sai các quy định của pháp luật.

Năm 2013, TAND tối cao đã tổ chức 17 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 2.368 học viên là Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án. Đối với Hội thẩm nhân dân thì ít hơn và do từng địa phương tổ chức, thông thường 1-2 lần/năm. Quản lý số lượng tập huấn đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án thì chặt chẽ, không tham gia đầy đủ thì có danh sách nhắc nhở và cũng là tiêu chí đánh giá thi đua. Còn quản lý số lượng tập huấn đối với Hội thẩm nhân dân thì chưa được chặt chẽ, chưa có

nhắc nhở gửi về đơn vị công tác của vị Hội thẩm đó. Cũng như án bị hủy, sửa thì chỉ Thẩm phán chịu trách nhiệm nhưng Hội thẩm thì không có trách nhiệm.

Tổ chức tập huấn, hội thảo khoa học cho người tiến hành tố tụng chuyên đề về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Việc tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ để nâng cao nhận thức pháp luật, kinh nghiệm vận dụng pháp luật là một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác điều tra, truy tố, xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp. Hàng năm, TAND tối cao nên mở các hội nghị chuyên đề hoặc hội thảo, tọa đàm. Thông qua hội nghị, đưa ra các bài tham luận của những nhà nghiên cứu về pháp luật để tranh luận, tìm ra những yếu tố mới nhằm rút kinh nghiệm, bàn phương hướng nhằm khắc phục những tồn tại, dự đoán tương lai để sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn kịp thời khi xử lý tình huống mới.

3.2.5 Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng

Trong tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng tuy có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có mục đích chung là phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi phạm tội.

Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã nói lên tình hình công tác tư pháp trong những năm vừa qua. Trong những năm vừa qua công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực; chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên từng bước. Tuy nhiên, những kết quả đó mới chỉ là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt trong hoạt động tư pháp hình sự, nơi mà hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) mang tính quyền lực nhà nước rất cao, nơi mà mọi hoạt động chính đều liên quan lớn đến quyền, lợi ích của công dân thì việc quy định rõ quyền hạn và trên cơ sở đó, xác định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tiến hành tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng, mà còn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đặc biệt là quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác.

Do đó, sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng là tất yếu, khách quan. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cần có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình tiến hành tố tụng.

Kết luận chương 3

Luận văn đã nêu ra mục đích, yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Từ đó, kiến nghị các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam như nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS; tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS; tăng cường tổng kết thực tiễn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS...

Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đã được tiếp tục sửa đổi, bổ sung trong BLHS năm 2015, đây là một bước tiến mới trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, ngoài những điểm đã đạt được trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 2015, các nhà làm luật Việt Nam vẫn cần nghiên cứu thêm nữa để hoàn thiện, khắc phục những hạn chế đang gặp phải khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội với ý nghĩa là cơ sở giảm nhẹ TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng chúng là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử của ngành Tòa án nói riêng, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, góp phần thực hiện mục đích của hình phạt “không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội”, cũng như bảo đảm thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội.

Trong quá trình quyết định hình phạt đối với người phạm tội, việc nhận thức thống nhất về vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS để xem xét, cân nhắc và áp dụng chính xác các tình tiết này trong thực tiễn là nhiệm vụ rất quan trọng của các Tòa án nước ta hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một việc làm có ý nghĩa rất lớn đối với các nhà nghiên cứu nói chung và bản thân người viết nói riêng.

Phân tích những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS như bản chất pháp lý, vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, phân biệt các tình tiết giảm nhẹ TNHS với các tình tiết định tội, định khung hình phạt góp phần giúp các chủ thể áp dụng pháp luật áp dụng được đầy đủ, chính xác và đúng các quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Từ những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nghiên cứu các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS hiện hành (BLHS năm 1999) có đáp ứng được những yêu cầu mà Nhà nước đặt ra đối với các tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng đúng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

Qua nghiên cứu ngẫu nhiên 150 bản án từ năm 2011 – 2015 của TAND thành phố Hà Nội, nhận thấy thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND thành phố Hà Nội đã có những ưu điểm nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn không ít các trường hợp Tòa án áp dụng những tình tiết này chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác. Do đó, cần đưa ra những kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS; tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS... đưa ra những giải pháp để đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử.

Trên đây là kết quả mà luận văn đã đạt được, qua quá trình nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy/cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Dương (2008), Bàn về tình tiết “Đầu thú”, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 14), tr.30-33.
2. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999.
3. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.
4. Phan Thị Hương (2013), “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, mã số 60.38.40, người hướng dẫn: PGS.TS Trần Đình Nhã, năm bảo vệ 2013 tại trường Học viện khoa học xã hội.
5. Vũ Thành Long (2007), “Bàn về tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 22, tháng 11-2007.
6. Nguyễn Thị Linh Nga (2011), “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, mã số 60.38.40, người hướng dẫn: GS.TSKH Đào Trí Úc, năm bảo vệ 2011 tại trường Học viện khoa học xã hội.
7. Nguyễn Thị Ngọc Phương (2014), “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, mã số 60.38.40, người hướng dẫn: TS Nguyễn Thị Phương Hoa, năm bảo vệ 2014 tại trường Học viện khoa học xã hội.
8. Bùi Kiến Quốc (2000), Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Luật học, (số 06).
9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), Bộ luật hình sự Việt Nam 1985, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1999), Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật hình sự Việt Nam 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đinh Văn Quế (2004), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 – phần chung, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
13. Đinh Văn Quế (2000), Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.
14. Đinh Văn Quế (2009), Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, tạp chí TAND, (số 9), tr.14-18.
15. Lê Thị Sơn, Nguyễn Ngọc Hòa (2006), Từ điển pháp luật hình sự, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.118.
16. Trần Đình Thắng (2010), “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 14).
17. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2011, 2012, 2013, 2014, 2015), 150 Bản án.
18. Tòa án nhân dân tối cao (2002), Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30 tháng 9 năm 2002 về việc hướng dẫn áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự.
19. Tòa án nhân dân tối cao (2002), Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ, Hà Nội.
20. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), Giáo trình Luật hình sự tập 1 do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – phần chung do TS Trần Thị Quang Vinh chủ biên, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
22. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – phần chung, Nxb Đại học Quốc gia.
23. Đào Trí Úc (1993), Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam – phần chung, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

24. Ủy ban thường vụ Quốc hội (năm 1981), Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981.

25. Trịnh Tiến Việt (2004), “Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt”, Tạp chí Khoa học pháp luật, (số 1).

26. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (2000), Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

27. Võ Khánh Vinh (2005), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Võ Khánh Vinh (2009), Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

29. TS Trần Thị Quang Vinh (2005), Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

30. Võ Khánh Vinh, Trần Thị Quang Vinh (1996), “Về khái niệm, bản chất, ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Việt Nam”, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 6).

31. <http://www.thuvienphapluat.vn>

32. <http://www.moj.gov.vn/>

33. www.toaan.gov.vn